

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

ĐÀO THỊ HIẾU

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA
ĐẤU THẦU DỰ ÁN TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG – SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

ĐÀO THỊ HIẾU

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA
ĐẦU THẦU DỰ ÁN TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG – SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. VŨ THỊ THANH THỦY

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản Luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn này hoàn toàn trung thực và có nguồn gốc rõ ràng. Các đánh giá, kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Đào Thị Hiếu

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập và làm luận văn thạc sỹ tại trường Đại học Lao động - xã hội, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân, tôi đã được sự giảng dạy và hướng dẫn nhiệt tình của các thầy cô giáo. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới TS.Vũ Thị Thanh Thủy, người đã tận tình, chu đáo hướng dẫn tôi trong suốt quá trình tôi học tập, nghiên cứu để tôi hoàn thành đề tài.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới tất cả những thầy cô giáo đã giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt khóa học. Tôi cũng xin cảm ơn các anh chị Ban lãnh đạo, các phòng bộ phận Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng đã giúp đỡ và hỗ trợ tôi rất nhiều trong quá trình thực hiện luận văn.

Mặc dù tôi đã nỗ lực hết mình trong học tập, nghiên cứu nhưng luận văn không tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết. Tôi rất mong nhận được những góp ý từ những nhà khoa học để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện đề tài hơn nữa.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận văn

Đào Thị Hiếu

MỤC LỤC

MỤC LỤC	I
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	V
DANH MỤC BẢNG BIỂU	VI
DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ	VII
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
3. Mục tiêu nghiên cứu của luận văn	5
4. Câu hỏi nghiên cứu	5
5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	6
6. Phương pháp nghiên cứu	6
7. Kết cấu của luận văn	6
CHƯƠNG 2: LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP	8
2.1. Khái niệm và ý nghĩa của đánh giá năng lực TC doanh nghiệp	8
2.1.1. Khái niệm năng lực tài chính	8
2.1.2. Mục tiêu của đánh giá năng lực tài chính doanh nghiệp.....	9
2.1.3. Nhiệm vụ đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp	11
2.2. Cơ sở dữ liệu để đánh giá năng lực tài chính	11
2.3. Phương pháp và quy trình đánh giá năng lực tài chính	13
2.3.1. Phương pháp đánh giá năng lực tài chính	13

2.3.2. Quy trình đánh giá năng lực tài chính.....	19
2.4. Nội dung đánh giá năng lực tài chính.....	21
2.4.1. Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	21
2.4.2. Phân tích tính thanh khoản của tài sản	28
2.4.3. Phân tích các chỉ số thanh toán.....	32
2.4.4. Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh.....	33
2.4.5. Phân tích năng lực dòng tiền.....	36
2.4.6. Phân tích dấu hiệu rủi ro tài chính	40
2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến đánh giá năng lực tài chính	41
2.5.1. Chất lượng thông tin sử dụng.....	41
2.5.2. Trình độ cán bộ phân tích	42
2.5.3. Hệ thống các chỉ tiêu trung bình ngành.....	42
2.5.4. Cơ sở vật chất, khoa học công nghệ sử dụng trong phân tích.....	43
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY THAM GIA ĐẤU THẦU DỰ ÁN TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG.....	44
3.1. Giới thiệu chung về Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	44
3.1.1. Chặng đường xây dựng và phát triển	44
3.1.2. Các công trình tiêu biểu do Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng thực hiện trong thời gian qua	45
3.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	46
3.1.4. Bộ máy tổ chức quản lý	48

3.1.5. Đặc điểm bộ máy tổ chức kế toán.....	50
3.2. Giới thiệu chung về dự án đấu thầu và ba đơn vị dự thầu.....	52
3.3. Quy trình đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị tham gia đấu thầu dự án.....	53
3.4. Nội dung đánh giá năng lực tài chính tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	55
3.4.1. Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia đấu thầu dự án.....	56
3.4.2. Phân tích tính thanh khoản của tài sản	65
3.4.3. Phân tích các chỉ số thanh toán	71
3.4.4. Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh.....	74
3.4.5. Phân tích năng lực dòng tiền.....	82
3.5. Thực trạng đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	86
3.5.1. Những kết quả đạt được.....	86
3.5.2. Những hạn chế.....	87
3.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế	89
CHƯƠNG 4: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA ĐẤU THẦU DỰ ÁN TẠI BAN QLDA ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG	91
4.1. Những yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện đánh giá năng lực TC các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	91
4.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính	91

4.1.2. Nguyên tắc hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính.....	92
4.2. Giải pháp hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng.....	93
4.2.1. Hoàn thiện công tác tổ chức phân tích	93
4.2.2. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu để phân tích đánh giá năng lực tài chính.....	94
4.2.3. Vận dụng phương pháp phân tích đa dạng	95
4.2.4. Xây dựng nội dung và chỉ tiêu phân tích.....	97
4.3. Điều kiện để nâng cao chất lượng đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng...	100
KẾT LUẬN.....	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	102
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ
BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
BCTC	Báo cáo tài chính
BQL	Ban quản lý
CP	Cổ phần
DA	Dự án
DN	Doanh nghiệp
NVDH	Nguồn vốn dài hạn
PTNT	Phát triển nông thôn
QLDA	Quản lý dự án
TC	Tài chính
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TSDH	Tài sản dài hạn
UBND	Ủy ban nhân dân
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VLĐR	Vốn lưu động ròng
XD	Xây dựng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

	TRANG
Bảng 3.1: Bảng phân tích cấu trúc tài sản.....	57
Bảng 3.2: Bảng phân tích cấu trúc nguồn vốn.....	61
Bảng 3.3: Bảng phân tích vốn lưu động ròng.....	63
Bảng 3.4: Bảng phân tích tính thanh khoản các khoản phải thu.....	66
Bảng 3.5: Bảng phân tích tính thanh khoản các khoản hàng tồn kho...	69
Bảng 3.6: Bảng phân tích các chỉ số thanh toán.....	72
Bảng 3.7: Bảng phân tích hiệu quả sử dụng tài sản.....	75
Bảng 3.8: Bảng phân tích khả năng sinh lời.....	78
Bảng 3.9: Bảng phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến ROE	81
Bảng 3.10: Bảng phân tích năng lực dòng tiền.....	83
Bảng 3.11: Bảng tổng hợp đánh giá năng lực TC.....	85

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

	TRANG
BIỂU ĐỒ	
Biểu đồ 3.1: Phân tích tổng tài sản.....	58
Biểu đồ 3.2: Phân tích cấu trúc nguồn vốn.....	61
Biểu đồ 3.3: Phân tích vốn lưu động ròng.....	64
Biểu đồ 3.4: Phân tích tính thanh khoản các khoản phải thu.....	67
Biểu đồ 3.5: Phân tích tính thanh khoản hàng tồn kho.....	70
Biểu đồ 3.6: Phân tích hệ số thanh toán nhanh.....	73
Biểu đồ 3.7: Phân tích số vòng quay tổng tài sản.....	76
 SƠ ĐỒ	
Sơ đồ 2.1: Mô hình phân tích tài chính Dupont.....	18
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tổ chức Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng.....	48
Sơ đồ 3.2. Bộ máy tổ chức kế toán của Ban.....	51
Sơ đồ 3.3: Quy trình đánh giá năng lực tài chính nhà thầu.....	54

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Ngày nay trong điều kiện kinh tế thị trường, nền kinh tế đang mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới, ngày càng nhiều hoạt động diễn ra trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngân hàng, tài chính... Thị trường tài chính ở Việt Nam vẫn còn hết sức mới mẻ, chưa phát huy hết hiệu quả hoạt động của mình. Việc đầu tư vào lĩnh vực tài chính chứa đựng nhiều nhạy cảm, rủi ro, đòi hỏi các nhà đầu tư phải cân nhắc, tính toán hết sức kỹ lưỡng. Trước khi ra quyết định đầu tư bất kỳ một nhà đầu tư nào cũng phải đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Công cụ dễ dàng nhất để các nhà đầu tư, các nhà quản trị doanh nghiệp hiểu rõ về tình hình tài chính của doanh nghiệp nhất thông qua các báo cáo tài chính của công ty. Do đó phân tích báo cáo tài chính là bức tranh phải ánh rõ nét nhất tình hình tài chính của doanh nghiệp, đặc biệt trong công tác đấu thầu dự án.

Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng tiền thân là Ban Kiến thiết đê – kè và các công trình thủy lợi, được thành lập tại Quyết định số 2316/QĐ-TC ngày 28/12/1972 của Ủy ban hành chính Thành phố Hà Nội, trực thuộc Sở Thủy lợi Hà Nội. Trải qua 36 năm xây dựng và phát triển, năm 2008, thực hiện hợp nhất một số tỉnh lân cận về thành phố Hà Nội, Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng được thành lập lại theo Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND TP Hà Nội, trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên với nhiệm vụ: thực hiện các dự án đầu tư và xây dựng củng cố đê điều, công trình thủy lợi, phòng chống lụt bão và các lĩnh vực phát triển của ngành Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

Trong các nhiệm vụ được giao của Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng thì có nhiệm vụ quan trọng là đánh giá hồ sơ dự thầu của các đơn vị tham gia đấu thầu dự án. Việc đánh giá năng lực tài chính khi đánh giá hồ sơ dự thầu của các nhà thầu là việc không thể thiếu khi ra các quyết định lựa chọn đơn vị

trúng thầu. Xuất phát từ tầm quan trọng của việc đánh giá năng lực tài chính đối với việc lựa chọn nhà thầu để thấy được khả năng thực hiện dự án được giao nên tôi chọn đề tài **“Đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng – Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội”** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Đánh giá năng lực tài chính doanh nghiệp là cơ sở quan trọng giúp nhà quản trị và các nhà đầu tư ra quyết định chính xác. Việc phân tích đánh giá năng lực tài chính sẽ giúp các doanh nghiệp và các cơ quan thấy được rõ thực trạng hoạt động tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Từ đó đánh giá được tiềm năng, hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như những rủi ro và triển vọng phát triển trong tương lai của doanh nghiệp. Chính vì vậy đánh giá năng lực tài chính luôn được chú trọng và quan tâm. Trong thời gian qua đã có rất nhiều các giáo trình và công trình nghiên cứu về phân tích đánh giá năng lực tài chính, cụ thể như:

- Tác giả Nguyễn Văn Công trong tác phẩm “Chuyên khảo về báo cáo tài chính và lập, đọc, kiểm tra, phân tích BCTC” (2005) đã nghiên cứu về các nội dung liên quan đến phân tích BCTC bao gồm hệ thống các chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích và nội dung phân tích báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp.

- Các tác giả Nguyễn Trọng Cơ, Nghiêm Thị Thà đã nghiên cứu về các vấn đề chung liên quan đến phân tích tài chính doanh nghiệp trong tác phẩm “Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp” (2015). Tác phẩm đã nghiên cứu tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp, phân tích chính sách tài chính doanh nghiệp, phân tích tiềm lực tài chính và phân tích tình hình tăng trưởng và dự báo tài chính.

- Tác giả Charles H.Gibson (năm 2012) “Financial Reporting Analysis – Using financial Accounting information”, 13th Edition gồm 13 chương, trong đó: Nội dung chương 1 phát triển những nguyên lý cơ bản mà báo cáo tài chính dựa trên, chương 2 miêu tả các dạng tổ chức kinh tế và giới thiệu về báo cáo tài chính. Chương 3, 4, 5 tiến hành nhận xét chuyên sâu về các báo cáo của doanh nghiệp. Các chương tiếp theo từ chương 6 đến chương 11 giới thiệu về phương pháp phân tích và tiến hành phân tích các chỉ tiêu tài chính trong các doanh nghiệp, dự đoán thua lỗ, phân tích thủ tục và tác dụng của phân tích trong quản lý. Đặc biệt tại chương 12 của tác phẩm đã đề cập đến những vấn đề gặp phải khi phân tích 6 ngành đặc thù là ngân hàng, điện, dầu khí, giao thông vận tải, bảo hiểm, bất động sản, chỉ ra những điểm khác biệt trong báo cáo ngành và gợi ý thay đổi hoặc bổ sung. Chương 13 của tác phẩm đã trình bày về báo cáo tài chính cá nhân, báo cáo tài chính nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận. Nội dung tác phẩm lại chưa đề cập đến các ngành và doanh nghiệp đặc thù là các công ty xây dựng.

- Luận án tiến sỹ “Hoàn thành hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam” (2008) tác giả Trần Thị Minh Hương đã đi vào hệ thống hóa hệ thống các chỉ tiêu phân tích tài chính một cách khá hệ thống và chi tiết. Nhưng tác giả mới chỉ dừng lại ở ngành hàng không và việc phân tích báo cáo tài chính xem xét về mặt quá khứ là chủ yếu.

- Bài báo “Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính nhằm tăng cường công tác kiểm toán” của TS. Trần Quý Liên (Đại học Kinh tế Quốc dân) đăng trên tạp chí kiểm toán (số 43/năm 2011) lại đề cập đến việc hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính nhưng bài báo chỉ trọng tâm đến việc phân tích tài chính để phục vụ công tác kiểm toán.

- Luận án tiến sỹ “Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trong các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam” (năm

2012), tác giả Nguyễn Thị Quyên đã đi theo hướng hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trong các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm cung cấp những thông tin tài chính chính thống, công khai của doanh nghiệp để củng cố lòng tin của nhà đầu tư từ đó góp phần giúp thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển lành mạnh, đúng hướng. Tuy nhiên các chỉ tiêu đó lại không áp dụng được trong việc đánh giá năng lực tài chính các đơn vị xây lắp tham gia đấu thầu dự án.

- “Giải pháp nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ”, Luận án Tiến sĩ (Học viện Tài chính 2012) của tác giả Phạm Thị Vân Anh. Nội dung nghiên cứu của luận án đề cập đến các yếu tố cấu thành, các chỉ tiêu đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ như hiệu quả vốn đầu tư, tài sản cố định, lợi nhuận trước (sau) thuế, khả năng thanh toán, nợ phải trả... của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đề tài nghiên cứu trên góc độ tài chính vi mô của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá và đề xuất hệ thống các giải pháp giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ nâng cao năng lực tài chính trong điều kiện nền kinh tế hội nhập mà chưa đề cập đến việc đánh giá năng lực tài chính các nhà thầu xây lắp tham gia đấu thầu dự án.

- Luận án tiến sỹ kinh tế “Hoàn thiện phân tích Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp xây dựng phục vụ quản trị tài chính doanh nghiệp” (2016) của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Lan (Học viện Tài chính) đã đề cập đến việc phân tích báo cáo tài chính phục vụ quản trị tài chính doanh nghiệp trong các công ty xây dựng, nhưng lại chưa đưa ra được các biện pháp để nâng cao năng lực tài chính của các doanh nghiệp xây dựng.

- Luận án tiến sỹ kinh tế “Hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp sản xuất liên doanh với nước ngoài tại Việt Nam” (2016), tác giả Nguyễn Hồng Anh (Học viện Tài chính) đã nghiên cứu về thực trạng và đưa ra các giải pháp hoàn thiện các nội dung phân tích báo cáo tài chính tại

các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài tại Việt Nam mà không áp dụng được với các doanh nghiệp xây lắp tham gia đấu thầu dự án.

Vì tài chính doanh nghiệp có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nên đã có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến tài chính doanh nghiệp. Tuy nhiên, nghiên cứu sâu về năng lực tài chính, đặc biệt là đánh giá về năng lực tài chính các doanh nghiệp tham gia đấu thầu dự án trong bối cảnh hiện nay thì chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập. Do đó, việc nghiên cứu cụ thể về đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng – Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội nhằm nâng cao chất lượng khi phân tích năng lực tài chính các đơn vị xây lắp trong công tác đấu thầu là một việc cần thiết, và những nghiên cứu trong công trình này không giống với bất kỳ nghiên cứu nào trước đó.

3. Mục tiêu nghiên cứu của luận văn

Mục tiêu cơ bản và xuyên suốt luận văn là ứng dụng khung lý thuyết về phân tích năng lực tài chính doanh nghiệp để nghiên cứu thực trạng đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị tham gia đấu thầu tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng nhằm nâng cao chất lượng phân tích tình hình tài chính phục vụ quá trình chấm thầu. Do vậy, mục tiêu cụ thể được xác định như sau:

- Nghiên cứu thực trạng đánh giá năng lực tài chính, các phương pháp, nội dung và quy trình đánh giá năng lực tài chính doanh nghiệp tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện phương pháp, quy trình và nội dung đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và XD.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Để thực hiện được các mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn đặt ra và trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

- Những tài liệu, phương pháp và nội dung nào được sử dụng để đánh giá năng lực tài chính trong doanh nghiệp tham gia đấu thầu dự án?

- Thực trạng đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng được thực hiện như thế nào?

- Những giải pháp nào cần thực hiện để hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng?

5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Quy trình, nội dung và phương pháp đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng.

Phạm vi nghiên cứu:

+ Về mặt không gian: Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

+ Về mặt thời gian: từ năm 2014 đến năm 2016.

6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó các phương pháp chủ yếu được sử dụng như sau:

- Phương pháp tổng hợp, phân tích hệ thống hóa các vấn đề lý thuyết và thực tiễn.

- Phương pháp khảo sát, đánh giá tài liệu, quan sát, kiểm chứng để nghiên cứu, tổng kết, phân tích làm nổi bật thực trạng vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp thống kê, so sánh: sử dụng các số liệu thống kê để phân tích, so sánh, tổng kết và rút ra các kết luận làm cơ sở để đề xuất những định hướng và giải pháp nâng cao đánh giá năng lực tài chính các doanh nghiệp.

7. Kết cấu của luận văn

Chương 1: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu

Chương 2: Lý luận chung về đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp

Chương 3: Đánh giá năng lực tài chính các công ty tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

CHƯƠNG 2

LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

2.1. Khái niệm và ý nghĩa của đánh giá năng lực tài chính doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm năng lực tài chính

Tài chính là sự vận động của vốn tiền tệ diễn ra ở mọi chủ thể trong xã hội. Nó phản ánh tổng hợp các mối quan hệ kinh tế nảy sinh trong phân phối các nguồn tài chính thông qua việc tạo lập hoặc sử dụng các quỹ tiền tệ nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của các chủ thể trong xã hội.

Để đánh giá được năng lực tài chính, trước tiên chúng ta cần hiểu về quản lý tài chính. Theo học thuyết về quản lý của các nhà quản trị học hiện đại như: Taylor, Herry Fayol, Harold Koontz,... có thể khái quát: quản lý là tác động có ý thức, bằng quyền lực, theo yêu cầu của chủ thể quản lý tới đối tượng của quản lý để phối hợp các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu của tổ chức trong môi trường biến đổi. Theo học thuyết quản lý tài chính của mình, Era Solomon cho rằng: Quản lý tài chính là việc sử dụng các thông tin phản ánh chính xác tình trạng tài chính của một đơn vị để phân tích điểm mạnh điểm yếu của nó và lập các kế hoạch hành động, kế hoạch sử dụng nguồn tài chính, tài sản cố định và nhu cầu nhân công trong tương lai nhằm đạt được mục tiêu cụ thể tăng giá trị cho đơn vị đó.

Theo đó, kế thừa quan điểm của học thuyết Era Solomon, năng lực tài chính trên quan điểm của Investopedia_ trang điện tử của IAC, một công ty mạng và truyền thông lớn nhất của Mỹ, trang điện tử lớn nhất thế giới cung cấp các kiến thức về tài chính, thì năng lực tài chính được hiểu là cụm từ mô tả tình trạng tài chính của một doanh nghiệp. Tình trạng đó được phản ánh thông qua khả năng huy động vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh

doanh, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, khả năng thanh khoản của một doanh nghiệp.

Theo như tác giả Phạm Thị Vân Anh (2012), Các giải pháp nâng cao năng lực tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay, Năng lực tài chính là năng lực đảm bảo nguồn lực tài chính của doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu của doanh nghiệp đề ra. Tác giả muốn nhấn mạnh nội hàm của năng lực tài chính trong khái niệm muốn đề cập đến hai vấn đề là khả năng huy động vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh và an toàn tình hình tài chính của doanh nghiệp

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm về năng lực tài chính như sau:

Năng lực tài chính là thuật ngữ mô tả tình trạng tài chính của doanh nghiệp. Tình trạng đó được phản ánh thông khả năng huy động vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, khả năng thanh khoản của một doanh nghiệp.

2.1.2. Mục tiêu của đánh giá năng lực tài chính doanh nghiệp

Hoạt động tài chính trong các doanh nghiệp bao gồm những nội dung cơ bản sau: xác định nhu cầu về vốn của doanh nghiệp, tìm kiếm và huy động nguồn vốn đáp ứng tốt nhu cầu và sử dụng vốn hợp lý, đạt hiệu quả cao nhất. Hoạt động tài chính đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp và có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vai trò đó thể hiện ngay từ khi thành lập doanh nghiệp, trong việc thiết lập các dự án đầu tư ban đầu, dự kiến hoạt động, gọi vốn đầu tư.

Để có thể tiến hành sản xuất kinh doanh, thì các doanh nghiệp cần phải có một lượng vốn nhất định, bao gồm: vốn cố định, vốn lưu động và các vốn chuyên dùng khác. Ngoài ra doanh nghiệp cần phải có những giải pháp hữu hiệu để tổ chức huy động và sử dụng vốn sao cho có hiệu quả nhất trên cơ sở

tôn trọng các nguyên tắc tài chính, tín dụng và chấp hành luật pháp. Việc tiến hành đánh giá năng lực tài chính sẽ giúp cho các nhà quản lý doanh nghiệp và các cơ quan chủ quản cấp trên thấy rõ thực trạng của hoạt động tài chính, xác định đầy đủ và đúng đắn các nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đó, có những giải pháp hữu hiệu nhằm ổn định và nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở nước ta hiện nay, các doanh nghiệp đều có quyền bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh thì người ta chỉ quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp trên các khía cạnh khác nhau như: các nhà đầu tư, nhà cung cấp, khách hàng...Nhưng vấn đề mà người ta quan tâm nhiều nhất là khả năng tạo ra các dòng tiền mặt, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán và mức lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp. Bởi vậy, trong đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp thì cần phải đạt được các mục tiêu chủ yếu sau đây:

+ *Một là*: Khi đánh giá năng lực tài chính phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực hệ thống những thông tin hữu ích, cần thiết phục vụ cho chủ doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm khác như: các nhà đầu tư, hội đồng quản trị doanh nghiệp, người cho vay, các cơ quan quản lý cấp trên và những người sử dụng thông tin tài chính khác, giúp họ có quyết định đúng đắn khi ra quyết định đầu tư, quyết định cho vay.

+ *Hai là*: Đánh giá năng lực tài chính phải cung cấp đầy đủ những thông tin quan trọng nhất cho các chủ doanh nghiệp, các nhà đầu tư, nhà cho vay và những người sử dụng thông tin tài chính khác trong việc đánh giá khả năng và tính chắc chắn của các dòng tiền vào, ra và tình hình sử dụng vốn kinh doanh, tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

+ *Ba là*: Đánh giá năng lực tài chính phải cung cấp đầy đủ những thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu, các khoản nợ, kết quả của quá trình, sự kiện, các tình huống làm biến đổi các nguồn vốn và các khoản nợ của doanh nghiệp.

2.1.3. Nhiệm vụ đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp

Nhiệm vụ của đánh giá năng lực tài chính ở doanh nghiệp là căn cứ trên những nguyên tắc về tài chính doanh nghiệp để phân tích đánh giá tình hình thực trạng và triển vọng của hoạt động tài chính, chỉ ra được những mặt tích cực và hạn chế của việc thu chi tiền tệ, xác định nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố. Trên cơ sở đó đề ra các biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Cơ sở dữ liệu để đánh giá năng lực tài chính

Để có được đầy đủ thông tin phục vụ cho quá trình đánh giá năng lực tài chính thì cần phải thu thập từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, bao gồm thông tin từ hệ thống BCTC và các nguồn thông tin khác có tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ø Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là một bức tranh tổng hợp phản ánh tình hình tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và các quan hệ tài chính của doanh nghiệp tại một thời điểm hay thời kỳ. BCTC được trình bày theo nguyên tắc và chuẩn mực kế toán quy định. Để đảm bảo yêu cầu chính xác và hợp lý, BCTC phải được lập và trình bày theo quy định của Bộ Tài chính.

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành – Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, hệ thống BCTC áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước ở Việt Nam bao gồm 4 biểu mẫu báo cáo sau:

Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)

Bảng cân đối kế toán là Báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu của tài sản và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm kết quả từ hoạt động kinh doanh chính và kết quả từ các hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Thông tin về lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp giúp cho các đối tượng sử dụng BCTC có cơ sở để đánh giá khả năng tại tiền và sử dụng các khoản tiền đó trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

Thuyết minh BCTC là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của BCTC doanh nghiệp dùng để mô tả mang tính tường thuật hoặc phân tích chi tiết các thông tin số liệu đã được trình bày trong bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng như thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

Ø Nguồn thông tin khác

Bên cạnh hệ thống BCTC, khi đánh giá năng lực tài chính doanh nghiệp, các nhà đánh giá còn kết hợp sử dụng các nguồn dữ liệu khác như báo cáo quản trị, tài liệu kế toán, tài liệu thống kê, hợp đồng... Về cơ bản, những

thông tin thu thập được có thể biểu hiện bằng số liệu cụ thể. Tuy nhiên có những thông tin không thể hiện bằng số liệu cụ thể. Những thông tin thu thập được phải đảm bảo chất lượng, đáng tin cậy. Nếu thông tin không đảm bảo chất lượng sẽ dẫn đến kết quả phân tích BCTC sai lệch, các chủ thể quản lý sử dụng kết quả phân tích BCTC sẽ đưa ra những quyết định sai lầm, đi ngược lại mục tiêu của họ.

2.3. Phương pháp và quy trình đánh giá năng lực tài chính

2.3.1. Phương pháp đánh giá năng lực tài chính

Để nắm được một cách đầy đủ và đánh giá năng lực tài chính cũng như tình hình sử dụng tài sản của doanh nghiệp, cần thiết phải đi sâu xem xét các mối quan hệ và tình hình biến động của các khoản mục trong từng báo cáo tài chính và giữa các báo cáo tài chính với nhau.

Việc phân tích báo cáo tài chính thường được tiến hành bằng hai phương pháp: phương pháp phân tích ngang và phương pháp phân tích dọc báo cáo tài chính.

Phân tích ngang báo cáo tài chính là việc so sánh đối chiếu tình hình biến động cả về số tuyệt đối và số tương đối trên từng chỉ tiêu của từng báo cáo tài chính, còn phân tích dọc là việc sử dụng các quan hệ tỷ lệ, các hệ số thể hiện mối tương quan giữa các chỉ tiêu trong từng báo cáo tài chính và giữa các báo cáo tài chính với nhau để rút ra kết luận.

Cụ thể, trong thực tế người ta thường sử dụng các phương pháp sau:

2.3.1.1. Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích hoạt động kinh doanh. Có ba nguyên tắc cơ bản khi sử dụng phương pháp này, đó là:

Ø Lựa chọn tiêu chuẩn để so sánh

Tiêu chuẩn để so sánh là chỉ tiêu của một kỳ được lựa chọn làm căn cứ để so sánh, tiêu chuẩn đó có thể là:

- Tài liệu của năm trước (kỳ trước), nhằm đánh giá xu hướng phát triển của các chỉ tiêu. Các mục tiêu đã dự kiến (kế hoạch, dự toán, định mức), nhằm đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch, dự toán, định mức.

- Các chỉ tiêu của kỳ được so sánh với kỳ gốc được gọi là chỉ tiêu kỳ thực hiện và là kết quả mà doanh nghiệp đã đạt được.

Ø Điều kiện so sánh được

Để phép so sánh có ý nghĩa thì điều kiện tiên quyết là các chỉ tiêu được sử dụng phải đồng nhất. Trong thực tế, thường điều kiện có thể so sánh được giữa các chỉ tiêu kinh tế cần được quan tâm hơn cả là thời gian và không gian.

+ *Về mặt thời gian*: là các chỉ tiêu được tính trong cùng một khoảng thời gian hạch toán phải thống nhất trên ba mặt sau:

- Phải cùng phản ánh nội dung kinh tế.
- Phải cùng một phương pháp phân tích.
- Phải cùng một đơn vị đo lường

+ *Về mặt không gian*: các chỉ tiêu cần phải được quy đổi về cùng quy mô và điều kiện kinh doanh tương tự nhau.

Tuy nhiên, thực tế ít có các chỉ tiêu đồng nhất được với nhau. Để đảm bảo tính thống nhất người ta cần phải quan tâm tới phương diện được xem xét mức độ đồng nhất có thể chấp nhận được, độ chính xác cần phải có, thời gian phân tích được cho phép.

Ø Kỹ thuật so sánh

Các kỹ thuật so sánh cơ bản là:

- *So sánh bằng số tuyệt đối*: là hiệu số giữa trị số của kỳ phân tích so với kỳ gốc của các chỉ tiêu kinh tế, kết quả so sánh biểu hiện khối lượng quy mô tăng giảm của các hiện tượng kinh tế.

Công thức:

$$\text{Mức biến động tuyệt đối } (\Delta) = \frac{\text{Trị số của chỉ tiêu kỳ phân tích (1)}}{\text{Trị số của chỉ tiêu kỳ gốc (0)}}$$

Đánh giá:

* Khi $\Delta > 0$: Chỉ tiêu phân tích trong kỳ thực hiện tăng lên so với kỳ kế hoạch hay kỳ gốc một lượng bằng Δ .

* Khi $\Delta < 0$: Chỉ tiêu phân tích trong kỳ thực hiện giảm so với kỳ kế hoạch hay kỳ gốc một lượng bằng Δ .

* Khi $\Delta = 0$: Chỉ tiêu phân tích trong kỳ thực hiện không thay đổi so với kỳ kế hoạch hay kỳ gốc.

- *So sánh bằng số tương đối*: là thương số giữa trị số của kỳ phân tích so với kỳ gốc của các chỉ tiêu kinh tế, kết quả so sánh biểu hiện kết cấu, mối quan hệ, tốc độ phát triển, mức phổ biến của các hiện tượng kinh tế.

- *So sánh bằng số bình quân*: số bình quân là dạng đặc biệt của số tuyệt đối, biểu hiện tính chất đặc trưng chung về mặt số lượng, nhằm phản ánh đặc điểm chung của một đơn vị, một bộ phận hay một tổng thể chung, có cùng một tính chất.

Tuỳ theo mục đích, yêu cầu của phân tích, tính chất và nội dung phân tích của các chỉ tiêu kinh tế mà người ta sử dụng kỹ thuật so sánh thích hợp.

Quá trình phân tích của phương pháp so sánh có thể thực hiện theo ba kỹ thuật:

- *So sánh theo chiều dọc*: là quá trình so sánh nhằm xác định tỷ lệ quan hệ tương quan giữa các chỉ tiêu từng kỳ của các báo cáo kế toán - tài chính, nó còn gọi là phân tích theo chiều dọc (cùng cột của báo cáo).

- *So sánh chiều ngang*: là quá trình so sánh nhằm xác định tỷ lệ và chiều hướng biến động các kỳ trên báo cáo kế toán tài chính, nó còn gọi là phân tích theo chiều ngang (cùng hàng trên báo cáo).

- *So sánh xác định xu hướng và tính liên hệ của các chỉ tiêu:* các chỉ tiêu riêng biệt hay các chỉ tiêu tổng cộng trên báo cáo được xem trên mối quan hệ với các chỉ tiêu phản ánh quy mô chung và chúng có thể được xem xét nhiều kỳ (từ 3 đến 5 năm hoặc lâu hơn) để cho ta thấy rõ xu hướng phát triển của các hiện tượng nghiên cứu.

Các hình thức sử dụng kỹ thuật so sánh trên thường được phân tích trong các phân tích báo cáo tài chính - kế toán, nhất là bản báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán và bảng lưu chuyển tiền tệ là các báo cáo tài chính định kỳ của doanh nghiệp.

2.3.1.2. Phương pháp phân tích tỷ lệ

Phương pháp này được áp dụng phổ biến trong phân tích tài chính vì nó dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Phương pháp tỷ lệ giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích một cách có hệ thống hàng loạt tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc theo từng giai đoạn. Qua đó nguồn thông tin kinh tế và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn. Từ đó cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán hàng loạt các tỷ lệ như:

+ Tỷ lệ về khả năng thanh toán : Được sử dụng để đánh giá khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

+ Tỷ lệ và khả năng cân đối vốn, cơ cấu vốn và nguồn vốn: Qua chỉ tiêu này phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính.

+ Tỷ lệ về khả năng hoạt động kinh doanh : Đây là nhóm chỉ tiêu đặc trưng cho việc sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp.

+ Tỷ lệ về khả năng sinh lời: Phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp.

2.3.1.3. Phương pháp đồ thị

Phương pháp đồ thị là phương pháp dung các đồ thị để minh họa các kết quả tài chính đã tính toán được trong quá trình phân tích bằng biểu đồ, sơ đồ... Phương pháp này cho ta một cái nhìn trực quan, thể hiện rõ ràng mạch lạc diễn biến của các đối tượng qua từng thời kỳ và nhanh chóng phân tích định tính các chỉ tiêu tài chính để tìm ra nguyên nhân sự biến đổi các chỉ tiêu.

2.3.1.4. Mô hình phân tích Dupont

Mô hình phân tích Dupont thường được vận dụng để phân tích mối liên hệ giữa các chỉ tiêu tài chính. Chính nhờ sự phân tích mối liên kết giữa các chỉ tiêu mà người phân tích lập để phát hiện ra những nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu phân tích theo một trình tự logic chặt chẽ.

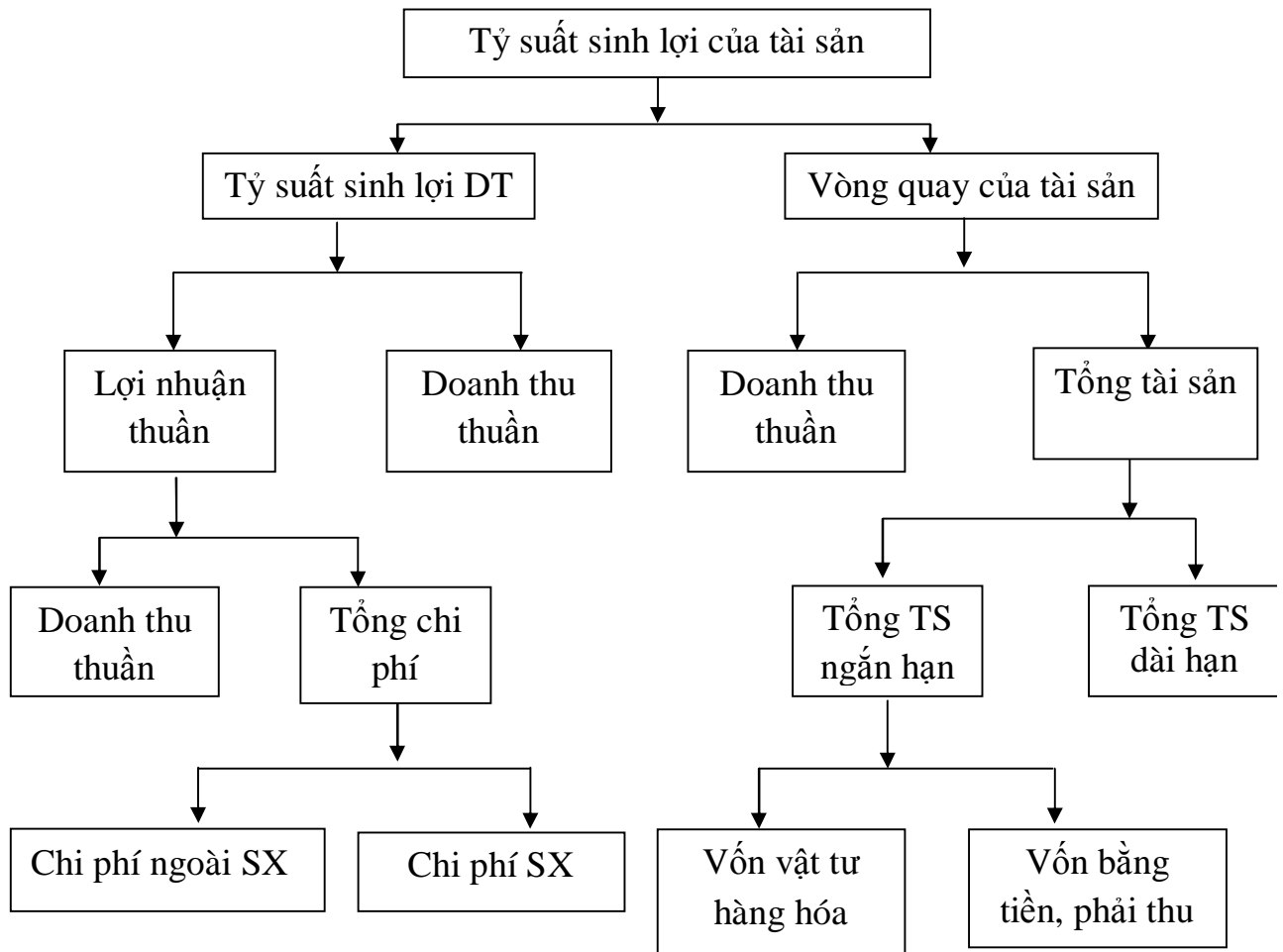
Mô hình tài chính Dupont thường được vận dụng để phân tích tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA), tỷ suất sinh lợi vốn chủ sở hữu (ROE). Nhân tố chi phí đầu vào ảnh hưởng đến chỉ tiêu ROA, ROE có thể là tổng tài sản, tổng chi phí sản xuất kinh doanh chi ra trong kỳ, vốn ngắn hạn, vốn dài hạn, vốn chủ sở hữu...

Nhân tố kết quả đầu ra của doanh nghiệp có thể là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh hoặc tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp...

Mô hình Dupont thường được vận dụng trong phân tích TC, có dạng:

$$\text{Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA)} = \frac{\text{LNST}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{\text{LNST}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản BQ}}$$

Từ mô hình trên có thể thấy rằng, để nâng cao khả năng sinh lợi của một đồng tài sản mà doanh nghiệp đang sử dụng, quản trị doanh nghiệp phải nghiên cứu cho việc nâng cao không ngừng khả năng sinh lời của quá trình sử dụng tài sản.



Sơ đồ 2.1. Mô hình phân tích tài chính Dupont

Phân tích báo cáo tài chính dựa vào mô hình Dupont có ý nghĩa rất lớn đối với quản trị doanh nghiệp. Điều đó không chỉ được biểu hiện ở chỗ: có thể đánh giá hiệu quả kinh doanh một cách sâu sắc và toàn diện. Đồng thời, đánh giá đầy đủ và khách quan đến những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, đề ra được hệ thống các biện pháp tỉ mỉ và xác thực nhằm tăng cường công tác cải tiến tổ chức quản lý doanh nghiệp, góp phần không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp ở các kỳ tiếp theo.

2.3.2. Quy trình đánh giá năng lực tài chính

Quá trình đánh giá năng lực tài chính thường được tiến hành qua ba giai đoạn sau: Công tác chuẩn bị, tiến hành phân tích và kết thúc phân tích.

Ø Giai đoạn chuẩn bị đánh giá năng lực tài chính

Là một khâu quan trọng, ảnh hưởng nhiều đến chất lượng, thời hạn và tác dụng của đánh giá năng lực tài chính. Công tác chuẩn bị bao gồm việc xây dựng chương trình (kế hoạch) phân tích và thu thập, xử lý tài liệu phân tích.

Kế hoạch phân tích phải xác định rõ nội dung đánh giá tài chính (toàn bộ hoạt động tài chính hay chỉ một số vấn đề cụ thể), phạm vi phân tích (toàn đơn vị hay một vài bộ phận), thời gian tiến hành phân tích (kể cả thời gian chuẩn bị), phân công trách nhiệm cho các cá nhân, bộ phận, cách thức công bố thông tin.

Tài liệu phục vụ cho việc phân tích bao gồm toàn bộ hệ thống báo cáo tài chính liên quan, kể cả các báo cáo kế hoạch, dự toán, định mức, các biên bản kiểm tra, xử lý có liên quan... Các tài liệu trên cần được kiểm tra tính chính xác, tính hợp pháp, kiểm tra các điều kiện có thể so sánh được rồi mới sử dụng để tiến hành phân tích.

Ø Giai đoạn thực hiện đánh giá năng lực tài chính

Tiến hành đánh giá phân tích năng lực tài chính là quá trình thực hiện kế hoạch phân tích đánh giá năng lực tài chính. Đây là giai đoạn triển khai và tổ chức thực hiện cụ thể các công việc đã xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị phân tích. Ở giai đoạn này có sự kết hợp hài hòa giữa con người, phương pháp, công cụ và tài liệu thu thập để thu được các thông tin theo mục tiêu đề ra. Giai đoạn này gồm các công việc cơ bản như sau:

- Đánh giá chung (khái quát) tình hình: Đưa ra những nhận định sơ bộ về tình hình phân tích, sử dụng phương pháp so sánh để đánh giá khái quát.

- Xác định nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến đối tượng phân tích: Sau khi đã xác định lượng nhân tố cần thiết ảnh hưởng đến đối tượng nghiên cứu, các nhà phân tích sẽ vận dụng phương pháp thích hợp để xác định mức độ ảnh hưởng và phân tích thực chất ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự thay đổi của đối tượng nghiên cứu.

- Tổng hợp kết quả phân tích, rút ra nhận xét, kết luận về chất lượng hoạt động tài chính của doanh nghiệp: Trên cơ sở kết quả tính toán, xác định ảnh hưởng của các nhân tố đến sự biến động của đối tượng nghiên cứu, các nhà phân tích cần tiến hành liên hệ, tổng hợp mức độ biến động của các nhân tố tác động đến đối tượng nghiên cứu. Từ đó, rút ra các nhận xét về tình hình tài chính của doanh nghiệp cũng như những đề xuất một số kiến nghị thích hợp nhằm cải thiện hơn nữa tình hình tài chính trong tương lai.

Ø Giai đoạn kết thúc đánh giá năng lực tài chính

Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình phân tích đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp. Giai đoạn này gồm có ba công việc chính đó là: Nêu kết luận phân tích, lập báo cáo đánh giá, hoàn thiện hồ sơ đánh giá năng lực tài chính

- Nêu kết luận phân tích: Kết thúc quá trình đánh giá năng lực tài chính nhà phân tích cần nêu những kết luận dựa trên kết quả phân tích ở bước tiến hành phân tích. Nhà phân tích kết luận về tình trạng tài chính của các doanh nghiệp, hiệu quả kinh doanh, đồng thời chỉ rõ những thế mạnh, điểm yếu, những tồn tại cũng như tiềm năng để doanh nghiệp có kế hoạch và chiến lược kinh doanh đúng đắn trong tương lai.

- Lập báo cáo phân tích: Đây là sản phẩm cuối cùng của quá trình phân tích. Báo cáo phân tích được trình bày dưới dạng văn bản, nội dung gồm có ba phần chính là đặt vấn đề, giải quyết vấn đề và kết luận vấn đề. Báo cáo

phân tích cần trình bày rõ thực trạng và tiềm năng, nêu rõ phương hướng và biện pháp cần phân đầu trong kỳ kinh doanh tới.

- Hoàn thiện hồ sơ phân tích: Hồ sơ phân tích phải gồm tất cả những tài liệu và sản phẩm của quá trình phân tích, được lưu trữ cùng với tài liệu của doanh nghiệp.

2.4. Nội dung đánh giá năng lực tài chính

2.4.1. Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Cấu trúc tài chính bao gồm cấu trúc tài sản, cấu trúc nguồn vốn và cả mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp. Phân tích cấu trúc tài chính là phân tích tình hình đầu tư, huy động vốn của doanh nghiệp thông qua việc xem xét, kiểm tra, đối chiếu và so sánh số liệu về tình hình tài chính hiện tại so với quá khứ. Từ đó có thể đánh giá tiềm năng, hiệu quả kinh doanh cũng như những rủi ro tài chính trong tương lai.

Phân tích cấu trúc tài chính bao gồm các vấn đề như phân tích cấu trúc tài sản, phân tích cấu trúc nguồn vốn và phân tích cân bằng tài chính.

2.4.1.1. Phân tích cấu trúc tài sản của doanh nghiệp

Cấu trúc tài sản là khái niệm chỉ cơ cấu mỗi loại tài sản trong doanh nghiệp. Mục đích của phân tích cấu trúc tài sản nhằm đánh giá những đặc trưng trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp, tính hợp lý khi đầu tư vốn cho hoạt động kinh doanh.

Có nhiều chỉ tiêu phản ánh cấu trúc tài sản tùy thuộc vào mục tiêu của nhà phân tích. Nguyên tắc chung khi thiết lập chỉ tiêu phản ánh cấu trúc tài sản thể hiện qua công thức sau:

$$K = \frac{\text{Loại tài sản } i}{\text{Tổng tài sản}} \times 100 (\%)$$

** Phân tích tỷ trọng tiền và các khoản tương đương tiền*

$$\text{Tỷ trọng tiền và các khoản tương đương tiền} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100(\%)$$

Chỉ tiêu này cho biết giá trị của tiền và các khoản tương đương tiền chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này càng lớn sẽ đáp ứng được chi tiêu của doanh nghiệp, thuận lợi trong hoạt động đầu tư, chứng tỏ khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp cao.

** Phân tích tỷ trọng đầu tư tài chính*

Đầu tư tài chính bao gồm đầu tư chứng khoán, đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư bất động sản và các khoản đầu tư khác. Khi doanh nghiệp có tiền nhàn rỗi (đã đáp ứng cho hoạt động kinh doanh mà vẫn còn thừa tiền) sẽ đem đi đầu tư để thu lời. Chỉ tiêu tổng quát phản ánh khoản đầu tư tài chính của doanh nghiệp:

$$\text{Tỷ trọng đầu tư tài chính} = \frac{\text{Giá trị đầu tư tài chính}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100 (\%)$$

Chỉ tiêu này cho biết giá trị các khoản đầu tư tài chính chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Đánh giá tình hình tăng giảm, nguyên nhân tăng giảm đầu tư tài chính, tính hợp lý của các khoản đầu tư.

** Phân tích tỷ trọng các khoản phải thu khách hàng*

$$\text{Tỷ trọng các khoản phải thu khách hàng} = \frac{\text{Khoản phải thu khách hàng}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100 (\%)$$

Chỉ tiêu này cho biết giá trị các khoản phải thu chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này thấp thể hiện doanh nghiệp quản lý tốt nợ phải thu, có chính sách thu hồi nợ hợp lý. Ngược lại chỉ tiêu này càng cao thể hiện vốn của doanh nghiệp bị khách hàng chiếm dụng càng nhiều, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

** Phân tích tỷ trọng hàng tồn kho*

Hàng tồn kho bao gồm nhiều loại như nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm dở dang, thành phẩm... Dự trữ hàng tồn kho hợp lý luôn là vấn đề quan tâm của mỗi doanh nghiệp bởi dự trữ quá nhiều sẽ gây ứ đọng vốn, gia tăng chi phí bảo quản và dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn thấp. Nhưng nếu dự trữ ít sẽ làm ảnh hưởng đến tiền độ sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp.

Công thức:

$$\text{Tỷ trọng hàng tồn kho} = \frac{\text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100(\%)$$

Chỉ tiêu này cho biết giá trị của hàng tồn kho chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng tài sản của doanh nghiệp.

** Phân tích tỷ trọng tài sản cố định*

$$\text{Tỷ trọng tài sản cố định} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản cố định}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100(\%)$$

Chỉ tiêu này cho biết giá trị của TSCĐ chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng tài sản, phản ánh mức độ tập trung vốn hoạt động của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ qui mô của doanh nghiệp ngày càng được mở rộng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, năng lực sản xuất càng được nâng cao.

2.4.1.2. Phân tích cấu trúc nguồn vốn của doanh nghiệp

Cấu trúc nguồn vốn của doanh nghiệp thể hiện chính sách tài trợ của doanh nghiệp, liên quan đến các khía cạnh khác nhau trong công tác quản trị tài chính. Việc huy động vốn một mặt vừa đáp ứng nhu cầu vốn, đảm bảo sự an toàn trong tài chính, mặt khác liên quan đến hiệu quả và rộng hơn là rủi ro của doanh nghiệp. Do vậy, phân tích cấu trúc nguồn vốn cần xem đến nhiều

mặt và cả mục tiêu của doanh nghiệp để có đánh giá đầy đủ nhất về tình hình tài chính.

Nguồn vốn của doanh nghiệp về cơ bản có hai bộ phận lớn là: Nguồn vốn vay nợ và nguồn vốn chủ sở hữu. Tính chất của hai nguồn vốn này hoàn toàn khác nhau về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp. Đối với nguồn vốn vay, doanh nghiệp phải cam kết việc thanh toán với các chủ nợ số nợ gốc và các khoản chi phí sử dụng vốn trong một thời hạn thoả thuận và phải thực hiện đầy đủ các cam kết đó trong mọi tình huống hoạt động của doanh nghiệp, nhưng việc sử dụng vốn bên ngoài này mang lại nhiều lợi ích trong hoạt động của doanh nghiệp nhất là hiệu ứng đòn cân nợ. Ngược lại, DN không phải cam kết thanh toán đối với người góp vốn với tư cách là chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu thể hiện phần tài trợ của người chủ sở hữu đối với toàn bộ tài sản của doanh nghiệp. Vì vậy, xem xét trên khía cạnh tự chủ về tài chính, nguồn vốn này thể hiện năng lực vốn có của người chủ sở hữu trong tài trợ hoạt động kinh doanh. Tính tự chủ về tài chính thể hiện qua các chỉ tiêu sau

* *Tỷ suất nợ*

$$\text{Tỷ suất nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100 (\%)$$

Chỉ tiêu này phản ánh trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp hiện có được hình thành từ nợ bao nhiêu phần trăm. Nợ phải trả bao gồm nợ ngắn hạn, nợ dài hạn và nợ khác. Hệ số nợ cao là dấu hiệu cho thấy doanh nghiệp đang mất dần tính tự chủ về mặt tài chính, nếu tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm đa số trong tổng nợ phải trả thì doanh nghiệp đang đứng trước nguy cơ bị phá sản do mất khả năng thanh toán. Khi tỷ suất nợ trong doanh nghiệp nhỏ thì khả năng thu hút vốn đầu tư bên ngoài sẽ cao, doanh nghiệp ít bị áp lực về khả năng thanh toán.

* *Tỷ suất tự tài trợ*

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100 (\%)$$

Chỉ tiêu này phản ánh trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp hiện có được hình thành từ vốn chủ sở hữu là bao nhiêu phần trăm. Tỷ suất tự tài trợ thể hiện khả năng tự chủ về tài chính của doanh nghiệp. Tỷ suất này càng cao chứng tỏ doanh nghiệp có tính độc lập cao về tài chính và ít bị sức ép bởi các chủ nợ, có thể chủ động đáp ứng nhu cầu tài trợ cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Với tỷ suất tự tài trợ cao, doanh nghiệp có nhiều cơ hội tiếp nhận các khoản tín dụng từ bên ngoài.

* *Mối quan hệ giữa tỉ suất nợ và tỉ suất tự tài trợ:*

$$\text{Tỉ suất nợ} + \text{Tỉ suất tự tài trợ} = 100\%$$

Khi tỉ suất nợ lớn, tỉ suất tự tài trợ nhỏ thì tính tự chủ về tài chính của doanh nghiệp được đánh giá là thấp. Khi tỉ suất nợ lớn doanh nghiệp khó thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Tuy nhiên, đối với một số công ty đang làm ăn có hiệu quả thì mong muốn hệ số nợ lớn để phát huy được đòn bẩy tài chính. Ngược lại khi tỉ suất nợ nhỏ, tỉ suất tự tài trợ lớn thì tính tự chủ về mặt tài chính của doanh nghiệp cao. Các nhà đầu tư rất mong muốn góp vốn vào những doanh nghiệp có chỉ tiêu tỉ suất nợ nhỏ; trong trường hợp này doanh nghiệp gặp thuận lợi lớn trong vấn đề huy động thêm vốn.

2.4.1.3. Phân tích vốn lưu động ròng và cân bằng tài chính trong dài hạn

Cân bằng tài chính nhằm đảm bảo sự cân đối giữa các yếu tố của nguồn tài trợ với các yếu tố của tài sản. Sự vận động của tài sản thường tách rời với thời gian sử dụng của nguồn vốn nên khi nghiên cứu mối quan hệ giữa các yếu tố của tài sản và nguồn vốn sẽ chỉ sự an toàn, tính bền vững lâu dài và cân đối trong tài trợ và sử dụng vốn của doanh nghiệp. Và đích cuối cùng của việc

nghiên cứu cân bằng tài chính là nhằm phát hiện những nhân tố hiện tại hoặc tiềm tàng của sự mất cân bằng tài chính, để từ đó có cơ sở cho các nhà quản trị ra quyết định về việc huy động và sử dụng vốn có hiệu quả đảm bảo khả năng thanh toán an toàn.

Cân bằng tài chính trong dài hạn được thể hiện qua chỉ tiêu vốn lưu động ròng. Trong đó vốn lưu động ròng là khái niệm phản ánh khoản chênh lệch giữa các nguồn vốn và tài sản cùng tính chất và thời gian sử dụng.

Nguyên tắc cơ bản của quản lý tài chính là doanh nghiệp phải dùng nguồn vốn dài hạn để hình thành tài sản dài hạn, dùng nguồn ngắn hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn. Điều đó đảm bảo rằng các tài sản dài hạn sẽ được sử dụng trong thời gian dài mà không phải chịu áp lực về thanh toán cho nguồn hình thành. Cách tài trợ này giúp doanh nghiệp có được sự ổn định, an toàn về mặt tài chính.

Vốn lưu động ròng của doanh nghiệp được xác định:

$$\blacktriangledown \text{ Vốn lưu động ròng} = \text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Nợ ngắn hạn}$$

Công thức này thể hiện cách thức sử dụng nguồn vốn lưu động ròng của doanh nghiệp để tài trợ cho các khoản nợ ngắn hạn như khoản phải thu, hàng tồn kho hay các khoản có tính thanh khoản cao của doanh nghiệp

$$\blacktriangledown \text{ Hoặc: Vốn lưu động ròng} = \text{Nguồn vốn dài hạn} - \text{Tài sản dài hạn}$$

$$\text{Trong đó: Nguồn vốn dài hạn} = \text{Nợ dài hạn} + \text{Vốn chủ sở hữu}$$

Theo công thức này, vốn lưu động ròng thể hiện cân bằng giữa nguồn vốn ổn định với những tài sản có thời gian chu chuyển trên một chu kỳ kinh doanh hoặc trên 1 năm. Nó phản ánh nguồn gốc vốn lưu động ròng, có nghĩa là sau khi tài trợ đủ cho tài sản dài hạn thì phần dôi ra đó chính là vốn lưu động ròng. Cách tính này thể hiện phương thức tự tài trợ tài sản dài hạn và đồng thời phản ánh tác động của việc đầu tư lên cân bằng tài chính tổng thể.

Vốn lưu động ròng là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá cân bằng tài chính của doanh nghiệp. Điều này thể hiện qua các trường hợp sau:

▼ Trường hợp 1: $VLĐR = NVDH - TSDH > 0$

Tài sản ngắn hạn	Vốn lưu động ròng	Nợ ngắn hạn
Tài sản dài hạn		Nguồn vốn dài hạn

Trong trường hợp này, cân bằng tài chính dài hạn được đánh giá là tốt, nguồn vốn dài hạn ngoài tài trợ TSDH mà còn tài trợ cả tài sản ngắn hạn.

▼ Trường hợp 2: $VLĐR = NVDH - TSDH < 0$

Tài sản ngắn hạn	Vốn lưu động ròng	Nợ ngắn hạn
Tài sản dài hạn		Nguồn vốn dài hạn

Trong trường hợp này, một phần tài sản dài hạn được tài trợ bởi nợ ngắn hạn, do vậy cân bằng tài chính trong dài hạn được coi là không tốt.

▼ Trường hợp 3: $VLĐR = NVDH - TSDH = 0$

Tài sản ngắn hạn	Nợ ngắn hạn
Tài sản dài hạn	Nguồn vốn dài hạn

Trong trường hợp này, toàn bộ tài sản ngắn hạn được thanh toán bằng nợ ngắn hạn, cân bằng dài hạn được đảm bảo nhưng không tốt.

Tuy nhiên để đánh giá cân bằng tài chính của doanh nghiệp cần nghiên cứu trong chuỗi thời gian thì mới dự đoán những khả năng, triển vọng về cân bằng tài chính trong tương lai. Vì vậy, việc nghiên cứu vốn lưu động ròng tại nhiều thời điểm khác nhau để giúp cho người phân tích loại trừ được những

sai lệch về số liệu. Phân tích vốn lưu động ròng qua nhiều kỳ có những trường hợp sau:

- *Nếu vốn lưu động ròng giảm và âm qua các năm:* Cho thấy mức độ an toàn và bền vững tài chính của doanh nghiệp giảm, vì doanh nghiệp phải sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ tài sản dài hạn. Do đó, doanh nghiệp sẽ gặp áp lực về thanh toán ngắn hạn và có nguy cơ phá sản nếu không thanh toán đúng hạn có hiệu quả kinh doanh thấp.

- *Nếu vốn lưu động ròng dương và tăng qua các năm:* Cho thấy mức độ an toàn và bền vững tài chính của doanh nghiệp là tốt vì không chỉ tài sản dài hạn mà cả tài sản ngắn hạn đều được tài trợ bằng nguồn vốn dài hạn. Điều đó có nghĩa là nguồn vốn dài hạn tăng qua các năm là do doanh nghiệp tăng nguồn vốn chủ sở hữu hay tăng nợ dài hạn. Nếu tăng vốn chủ sở hữu thì sẽ tăng tính độc lập về tài chính cho doanh nghiệp, ngược lại nếu giảm đi nguồn vốn chủ sở hữu thì tính độc lập về tài chính sẽ giảm nhưng lại tăng hiệu ứng đòn bẩy nợ nếu tăng nợ dài hạn và phải chịu rủi ro về sử dụng nợ.

- *Nếu vốn lưu động ròng có tính ổn định:* Điều đó thể hiện các hoạt động của doanh nghiệp đang trong trạng thái ổn định nhưng cần xem xét đến nguồn tài trợ để có được sự ổn định đó trong tương lai.

2.4.2. Phân tích tính thanh khoản của tài sản

Tính thanh khoản, một khái niệm trong tài chính, chỉ mức độ mà một tài sản bất kỳ có thể được mua hoặc bán trên thị trường mà không làm ảnh hưởng đến giá thị trường của tài sản đó. Một tài sản có tính thanh khoản cao nếu nó có thể được bán nhanh chóng mà giá bán của nó không giảm đáng kể, thường được đặc trưng bởi số lượng giao dịch lớn.

Ví dụ, tiền mặt có tính thanh khoản cao, vì nó thường có thể được "bán" (để đổi lấy hàng hóa) với giá trị gần như không thay đổi. Chứng khoán hay

các khoản nợ, khoản phải thu... có tính thanh khoản cao nếu chúng khả năng đổi thành tiền mặt dễ dàng.

Trong kế toán, tài sản lưu động được chia làm năm loại và được sắp xếp theo tính thanh khoản từ cao đến thấp như sau: tiền mặt, chứng khoán khả mại, các khoản phải thu, hàng tồn kho và các khoản trả trước. Hai khoản mục chính yếu, các khoản phải thu và hàng tồn kho, thường tác động đáng kể đến tính thanh khoản và khả năng sinh lời của một doanh nghiệp.

2.4.2.1. Phân tích tính thanh khoản của các khoản phải thu

Một doanh nghiệp thường có những dòng tiền thu về trong tương lai. Những dòng tiền thu về này thường được xác định là các khoản phải thu và hầu hết các doanh nghiệp có được xuất phát từ hoạt động bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho khách hàng dưới dạng cho nợ thanh toán. Đặc trưng của các khoản phải thu là công ty kỳ vọng nhận được tiền tại một thời điểm nào đó trong tương lai. Điều này dẫn đến hai vấn đề về định giá. Thứ nhất, có một khoảng thời gian đã trôi qua qua trước thời điểm khoản phải thu được thu về, do đó, công ty phải chịu phí về việc sử dụng khoản tiền đó. Thứ hai, việc thu tiền có thể không thực hiện được

Tính thanh khoản của các khoản phải thu của công ty có thể được khảo sát qua hai phép tính sau đây. Trước tiên là tính toán để xác định được hệ số vòng quay các khoản phải thu. Tính toán thứ hai dùng để xác định Số ngày phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ hạch toán. Hệ số này thể hiện số lần trong năm các khoản phải thu được quay vòng hoặc thể hiện số ngày trung bình cần thiết để công ty thu được các khoản phải thu về.

▼ Hệ số vòng quay các khoản phải thu

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ biến đổi các khoản phải thu thành tiền mặt. Hệ số này là một thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này được tính toán như sau:

$$\text{Số vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

Trong đó:

$$\text{Các khoản phải thu bình quân} = \frac{\text{Khoản phải thu đầu kỳ} + \text{Khoản phải thu cuối kỳ}}{2}$$

Hệ số vòng quay các khoản phải thu càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi nợ của doanh nghiệp càng nhanh, khả năng chuyển đổi các khoản nợ phải thu sang tiền mặt cao, điều này giúp cho doanh nghiệp nâng cao luồng tiền mặt, tạo ra sự chủ động trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất. Ngược lại, nếu hệ số này càng thấp thì số tiền của doanh nghiệp bị chiếm dụng ngày càng nhiều, lượng tiền mặt sẽ ngày càng giảm, làm giảm sự chủ động của doanh nghiệp trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất và có thể doanh nghiệp sẽ phải đi vay ngân hàng để tài trợ thêm cho nguồn vốn lưu động này.

▼ Số ngày 1 vòng quay các khoản phải thu

Cũng tương tự như vòng quay các khoản phải thu, có điều hệ số này cho chúng ta biết về số ngày trung bình mà doanh nghiệp thu được tiền của khách hàng:

$$\text{Số ngày phải thu} = \frac{\text{Số ngày trong năm}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

Số ngày phải thu nhỏ chứng tỏ doanh nghiệp thu hồi tiền hàng kịp thời, ít bị chiếm dụng vốn và ngược lại.

2.4.2.1. Phân tích tính thanh khoản của hàng tồn kho

Hàng tồn kho thường là tài sản quan trọng nhất nhằm xác định khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của một doanh nghiệp. Thông thường, khoản mục hàng tồn kho sẽ chiếm phân nửa tổng tài sản ngắn hạn. Do có tỷ lệ lớn

như vậy, việc phân tích khoản mục cần được nỗ lực thực hiện theo cách đúng đắn. Phân tích tính thanh khoản của hàng tồn kho có thể được thực hiện tương tự như phân tích tính thanh khoản của khoản mục phải thu. Tính toán thứ nhất nhằm xác định hệ số Vòng quay hàng tồn kho mỗi năm, tính toán thứ hai xác định Số ngày dự trữ hàng tồn kho tại cuối kỳ hạch toán

▼ *Hệ số Vòng quay hàng tồn kho*

Hệ số vòng quay hàng tồn kho thể hiện khả năng quản trị hàng tồn kho hiệu quả như thế nào, được thể hiện bằng công thức:

$$\frac{\text{Hệ số vòng quay hàng tồn kho}}{\text{Hàng tồn kho}} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho trung bình}}$$

Trong đó:

$$\text{Hàng tồn kho trung bình} = \frac{\text{Hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Hàng tồn kho cuối kỳ}}{2}$$

Hệ số vòng quay hàng tồn kho càng cao càng cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều trong doanh nghiệp. Có nghĩa là doanh nghiệp sẽ ít bị rủi ro hơn nếu nhìn thấy trong báo cáo tài chính, khoản mục hàng tồn kho có giá trị giảm qua các năm. Tuy nhiên, chỉ số này quá cao cũng không tốt vì như thế có nghĩa là lượng hàng dự trữ trong kho cũng không quá nhiều, nếu nhu cầu thị trường tăng đột ngột thì rất khả năng doanh nghiệp bị mất khách hàng và bị đối thủ cạnh tranh giành thị phần. Thêm nữa, dự trữ nguyên vật liệu đầu vào cho các khâu sản xuất không đủ có thể khiến cho dây chuyền sản xuất bị ngưng trệ. Vì vậy, chỉ số vòng quay hàng tồn kho cần phải đủ lớn để đảm bảo mức độ sản xuất đáp ứng được nhu cầu khách hàng.

▼ *Số ngày dự trữ hàng tồn kho*

Cũng tương tự như vòng quay hàng tồn kho, có điều hệ số này cho chúng ta biết về số ngày trung bình mà doanh nghiệp trữ hàng ở trong kho

$$\frac{\text{Số ngày dự trữ hàng tồn kho}}{\text{Số ngày trong năm}} = \frac{\text{Số ngày trong năm}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

2.4.3. Phân tích các chỉ số thanh toán

Khả năng thanh toán của doanh nghiệp cho biết năng lực tài chính trước mắt và lâu dài của doanh nghiệp. Khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng cao, năng lực tài chính càng lớn, an ninh tài chính càng vững chắc và ngược lại, khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng thấp, năng lực tài chính càng nhỏ và an ninh tài chính sẽ kém bền vững. Khi phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp, Luận văn tập trung đánh giá trên cơ sở mối quan hệ giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn.

▼ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Current ratio)

Hệ số thanh toán ngắn hạn là một công cụ nhằm đo lường khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp, công thức tính như sau:

$$\text{Hệ số thanh toán ngắn hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Chỉ số này ở mức 2-3 được xem là tốt. Hệ số này càng thấp ám chỉ doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình nhưng một chỉ số thanh toán tức thời quá cao cũng không phải là dấu hiệu tốt, bởi vì nó cho thấy tài sản của doanh nghiệp bị cột chặt vào tài sản ngắn hạn quá nhiều, như vậy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp là không cao.

▼ Hệ số thanh toán nhanh

Hệ số thanh toán nhanh sẽ cho thấy mối quan hệ của những tài sản có tính lỏng cao nhất và các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

Hệ số thanh toán nhanh được tính toán như sau:

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Việc phân tích và tính toán các hệ số khả năng thanh toán nhanh giúp cho doanh nghiệp biết được thực trạng các khoản cần thanh toán nhanh để có kế hoạch dự trữ nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu thanh toán

▼ *Hệ số thanh toán tiền mặt*

Đôi khi, các nhà phân tích cần xem xét khả năng thanh toán của một doanh nghiệp theo quan điểm thật cẩn trọng. Ví dụ, trong trường hợp doanh nghiệp có thể đã cầm cố các khoản phải thu và hàng tồn kho, hoặc trong trường hợp nhà phân tích cho rằng có những vấn đề nghiêm trọng về thanh toán liên quan đến hàng tồn kho và các khoản phải thu. Thước đo tốt nhất đo lường khả năng thanh toán trong ngắn hạn của một doanh nghiệp có lẽ là chỉ số thanh toán tiền mặt của doanh nghiệp đó. Hệ số này được tính toán như sau:

$$\text{Hệ số thanh toán tiền mặt} = \frac{\text{Tiền} + \text{chứng khoán khả mại}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Chỉ số thanh toán tiền mặt đo lường khả năng thanh toán tức thì của doanh nghiệp. Chỉ số này cao chứng tỏ rằng doanh nghiệp sẵn sàng cho khả năng thanh toán, tuy nhiên chỉ số cao quá có thể nói doanh nghiệp không sử dụng tiền mặt của họ một cách hiệu quả nhất, tiền mặt nên được đặt trong tiến trình hoạt động của công ty. Chỉ số thanh toán tiền mặt quá thấp cho thấy vấn đề về khả năng thanh toán tức thời những hóa đơn trước mắt.

2.4.4. Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ lợi dụng các nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu mà doanh nghiệp đã đề ra. Phân tích hiệu quả kinh doanh là quá trình xem xét mối quan hệ giữa kết quả đầu ra với các yếu tố đầu vào.

2.4.4.1. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản

- ▼ Phân tích hiệu quả sử dụng tổng tài sản: Số vòng quay tổng tài sản

$$\frac{\text{Số vòng quay tổng tài sản}}{\text{Số vòng quay}} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tài sản bình quân}}$$

Chỉ số này đo lường khả năng doanh nghiệp tạo ra doanh thu từ việc đầu tư vào tổng tài sản. Chỉ số cho biết với mỗi đồng được đầu tư vào trong tổng tài sản thì công ty sẽ tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ số này càng cao thì cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.

- ▼ Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định: Số vòng quay TSCĐ

$$\frac{\text{Số vòng quay tài sản cố định}}{\text{Số vòng quay}} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

Chỉ số này giúp đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp, cho thấy 1 đồng tài sản cố định tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ số này càng cao cho thấy hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.

2.4.4.2. Phân tích khả năng sinh lời

Lợi nhuận là một chỉ tiêu tài chính tổng hợp phản ánh hiệu quả của toàn bộ quá trình đầu tư, sản xuất, tiêu thụ và những giải pháp kỹ thuật, quản lý kinh tế tại doanh nghiệp. Để nhận thức đúng đắn về lợi nhuận thì không phải chỉ quan tâm đến tổng mức lợi nhuận mà cần phải đặt lợi nhuận trong mối quan hệ với vốn, tài sản, nguồn lực kinh tế tài chính mà doanh nghiệp đã sử dụng để tạo ra lợi nhuận trong từng phạm vi, trách nhiệm cụ thể. Điều đó được thể hiện qua những chỉ tiêu tài chính sau:

Ø Tỷ suất sinh lời của doanh thu (ROS - Return on Sales)

$$\frac{\text{Tỷ suất sinh lời của doanh thu}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}}$$

Tỷ suất sinh lời của doanh thu có thể tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc cũng có thể tính cho toàn bộ hoạt động tại doanh nghiệp. Chỉ tiêu này cho biết với một đồng doanh thu sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Nó chỉ ra mối quan hệ giữa doanh thu và lợi nhuận.

Ø *Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA – Return on Total Asset)*

$$\frac{\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tài sản bình quân}}$$

Tỷ suất sinh lời của tài sản cho biết một đồng tài sản doanh nghiệp sử dụng trong hoạt động tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận, thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản chung toàn doanh nghiệp. Chỉ số càng cao thì trình độ sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.

Ø *Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư (ROI- Return on Investment)*

Tỷ suất sinh lời vốn đầu tư (ROI) áp dụng đối với tỷ lệ đo lường thu nhập trên vốn đầu tư. Những biện pháp này được sử dụng rộng rãi để đánh giá hiệu suất doanh nghiệp. Bởi vì tỷ suất sinh lời vốn đầu tư là một loại tỷ suất sinh lời của vốn, tỷ lệ này đo lường khả năng của công ty để trả cho những người cung cấp vốn dài hạn và để thu hút các nhà cung cấp vốn trong tương lai. Tính toán tỷ suất sinh lời vốn đầu tư như sau:

$$\frac{\text{Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư}}{\text{Thu nhập ròng} + [\text{chi phí lãi suất} \times (1 - \text{thuế suất})]} = \frac{\text{Thu nhập ròng} + [\text{chi phí lãi suất} \times (1 - \text{thuế suất})]}{\text{Tài sản bình quân}} \times 100(\%)$$

Ø *Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE – Return on Equity)*

Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) phản ánh mức thu nhập ròng trên vốn cổ phần của công đồng.

$$\text{Tỷ suất sinh lời của} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100(\%)$$

vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Chỉ số này là thước đo chính xác nhất để đánh giá một đồng vốn bỏ ra và tích lũy được tạo ra bao nhiêu đồng lời. Hệ số này thường được các nhà đầu tư phân tích để so sánh với các cổ phiếu cùng ngành trên thị trường, từ đó tham khảo khi quyết định mua cổ phiếu của công ty nào. Tỷ lệ ROE càng cao càng chứng tỏ công ty sử dụng hiệu quả đồng vốn của cổ đông, có nghĩa là công ty đã cân đối một cách hài hòa giữa vốn cổ đông với vốn đi vay để khai thác lợi thế cạnh tranh của mình trong quá trình huy động vốn, mở rộng quy mô. Cho nên hệ số ROE càng cao thì cổ phiếu của công ty càng hấp dẫn các nhà đầu tư hơn.

2.4.5. Phân tích năng lực dòng tiền

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ có ba phần riêng biệt, mỗi phần là một hoạt động đặc thù - hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính.

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh: Đây là nguồn cốt yếu sinh ra tiền mặt cho công ty và cũng là lượng tiền mặt mà bản thân công ty kiếm được chứ không phải các khoản vốn đến từ hoạt động đầu tư và tài chính bên ngoài. Trong phần này của báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thu nhập ròng (trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) sẽ được điều chỉnh theo các khoản phí không dùng tiền mặt và sự thay đổi của các tài khoản vốn lưu động - tài sản và nợ từ hoạt động trong bảng cân đối kế toán thời điểm hiện tại.

Dòng tiền từ hoạt động đầu tư: Phần lớn các giao dịch đầu tư đều tạo ra dòng tiền âm (dòng tiền đi ra), chẳng hạn như chi phí vốn cho tài sản, máy móc thiết bị, mua lại doanh nghiệp và mua chứng khoán đầu tư. Còn ngược lại dòng tiền vào đến từ việc bán tài sản, bán công ty và bán chứng khoán đầu tư. Đối với các nhà đầu tư, các mục quan trọng nhất trong phần này là chi phí vốn. Ta thường giả định rằng chi phí này là một điều cần thiết cơ bản để đảm

bảo sự duy trì và bổ sung cho tài sản vật chất của công ty nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh hiệu quả và tăng khả năng cạnh tranh .

Dòng tiền từ hoạt động tài chính: Phần này đề cập đến nợ và các giao dịch vốn chủ sở hữu. Các công ty phải liên tục vay và trả nợ. Việc phát hành chứng khoán ít xảy ra hơn. Ở đây, một lần nữa, các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư vì mục đích thu nhập thì thứ quan trọng nhất với họ là cổ tức được trả bằng tiền mặt. Và các công ty thường phải cho cổ đông cổ tức bằng tiền mặt chứ không phải lợi nhuận

Phân tích dòng tiền thường sử dụng một vài tỷ số khác nhau nhưng trong luận văn này chỉ sử dụng các chỉ số sau:

▼ Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (Operating Cash Flow – OCF)

Đây là lượng tiền tạo ra từ hoạt động của một công ty, thường được tính bằng cách lấy thu nhập trừ đi các khoản chi phí hoạt động, tuy nhiên việc tính toán này đã có sự điều chỉnh nhiều so với thu nhập ròng. OCF được tính toán theo công thức sau:

$$OCF = EBIT + \text{Khấu hao} - \text{Thuế}$$

Mọi người thường cho rằng OCF là một chỉ số đo lường mức lợi nhuận của một công ty tốt hơn thu nhập vì một công ty có thể cung cấp số liệu dương về thu nhập trên các báo cáo tài chính nhưng có thể vẫn không có khả năng trả nợ. Chính dòng tiền mới là yếu tố giúp công ty thanh toán các hóa đơn và các khoản nợ đến hạn của mình.

Trong đó: *Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)* là một chỉ tiêu dùng để đánh giá khả năng thu được lợi nhuận của công ty, và được tính bằng bằng thu nhập trừ đi các chi phí, nhưng chưa trừ tiền trả lãi (chi phí lãi vay) và thuế thu nhập. Công thức tính EBIT:

$$EBIT = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí hoạt động}$$

Tuy nhiên trong các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam, do khoản chi phí lãi vay nằm bên trong chi phí tài chính, nên sẽ rất khó tính chi phí hoạt động, vì vậy có thể dùng công thức sau để thay thế:

$$EBIT = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} + \text{Chi phí lãi vay}$$

Nói cách khác EBIT bao gồm toàn bộ các khoản lãi của doanh nghiệp trước khi tính toán các khoản tiền lãi và thuế thu nhập phải trả. Một nhân tố rất quan trọng khiến cho EBIT được sử dụng rộng rãi đó là chỉ số này đã loại bỏ sự khác biệt trong cấu trúc vốn và thuế suất giữa các công ty. Bằng cách loại bỏ đi hai yếu tố là thuế và chi phí lãi vay, EBIT trở thành một chỉ số phản ánh khả năng sinh lợi của công ty và do đó khiến cho các nhà đầu tư dễ dàng hơn trong việc so sánh giữa các công ty.

$$\checkmark \text{ Tỷ số: } \frac{\text{Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Tỷ số này là tỷ lệ phần trăm của dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của một công ty so với doanh số bán hàng thuần, hoặc doanh thu (từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) của nó. Chỉ số cho chúng ta biết ta nhận được bao nhiêu đồng trên một đồng doanh số bán hàng.

Không có một tỷ lệ phần trăm chính xác nào để tham chiếu, nhưng rõ ràng, tỉ lệ này càng cao càng tốt. Cũng cần lưu ý rằng tỷ số này trong các công ty sẽ khác với tỷ số trung bình của ngành. Nhà đầu tư nên theo dõi diễn biến lịch sử của chỉ số này để phát hiện ra những sai khác đáng kể so với dòng tiền trung bình của công ty/doanh thu cũng như so sánh chỉ số này của công ty với các công ty trong ngành. Ngoài ra, cần theo dõi xem khi doanh thu tăng thì dòng tiền tăng như thế nào; và điều quan trọng là chúng thay đổi với tốc độ ngang nhau theo thời gian hay không.

▼ *Tỷ số:* $\frac{\text{Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh}}$

Lợi nhuận thuần

Tỷ số này là tỷ lệ phần trăm của dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của một công ty so với lợi nhuận thuần. Nó cho chúng ta biết ta nhận được bao nhiêu đồng trên một đồng lợi nhuận thuần

▼ *Tỷ số:* $\frac{\text{Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh}}$

Tổng tài sản bình quân

Tỷ số này là tỷ lệ phần trăm của dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của một công ty so với tổng tài sản bình quân. Chỉ số cho ta bỏ một đồng tài sản ra thì sẽ thu được bao nhiêu đồng tiền từ hoạt động kinh doanh.

▼ *Dòng tiền tự do:*

Dòng tiền tự do là thước đo hoạt động của doanh nghiệp được tính toán bằng hiệu số giữa dòng tiền hoạt động và chi tiêu vốn. Nói cách khác, dòng tiền tự do đại diện cho lượng tiền mặt là doanh nghiệp có thể tạo ra sau khi để lại một phần để duy trì hoặc mở rộng các tài sản phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Sở dĩ khái niệm dòng tiền tự do quan trọng là bởi vì nó cho phép doanh nghiệp có thể theo đuổi các cơ hội đầu tư nhằm tối đa hóa giá trị cho các cổ đông. Nếu không có tiền mặt thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc phát triển sản phẩm mới, thực hiện các vụ mua lại, chi trả cổ tức và trả nợ. Dòng tiền tự do được tính toán như sau:

$$\text{Dòng tiền tự do} = \text{Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh} - \text{chi tiêu vốn}$$

Một số nhà đầu tư lại quá xem trọng con số về thu nhập mà lại dường như quên đi con số về dòng tiền mặt thực sự mà doanh nghiệp có thể tạo ra. Thu nhập có thể bị "bóp méo" bởi các chuẩn mực về thực hành kế toán nhưng dòng tiền thì khó bị bóp méo hơn. Chính vì thế nhiều nhà đầu tư tin tưởng rằng dòng tiền tự do có thể cho thấy một viễn cảnh rõ ràng hơn về khả năng tạo ra tiền mặt và dĩ nhiên là từ đó tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp.

$$\checkmark \text{ Tỷ số: } \frac{\text{Dòng tiền tự do}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Tỷ số này là tỷ lệ phần trăm của dòng tiền tự do của một công ty so với doanh thu thuần. Nó cho chúng ta biết ta nhận được bao nhiêu đồng tiền tự do trên một đồng doanh số bán hàng.

2.4.6. Phân tích dấu hiệu rủi ro tài chính

Bên cạnh đó, để đánh giá phân tích năng lực tài chính của nhà thầu cần tiến hành đánh giá về rủi ro kinh doanh trong doanh nghiệp. Rủi ro tài chính là xác suất chấp nhận sự thiệt hại có thể đo lường được trong hoạt động tài chính dẫn đến những tổn thất kinh tế ảnh hưởng đến lợi nhuận và uy tín của doanh nghiệp. Như vậy, rủi ro là vấn đề tiềm tàng, có ở bất cứ doanh nghiệp nào trong quá trình kinh doanh, do đó nó là vấn đề cần thiết cần được quan tâm và tính đến của nhà quản lý. Để biết được mức độ rủi ro tài chính của doanh nghiệp, người ta thường sử dụng một số chỉ tiêu liên quan đến công nợ: hệ số thanh toán nhanh, hệ số thanh toán tức thời... Các chỉ tiêu này đã được trình bày trong nội dung phần phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Ngoài các chỉ tiêu trên, ta còn sử dụng chỉ tiêu quan trọng khác sau:

Ø Hệ số nợ trên tài sản

$$\text{Hệ số nợ trên tài sản} = \frac{\text{Tổng số nợ}}{\text{Tổng số tài sản}}$$

Chỉ tiêu này nói lên rằng, trong tổng tài sản hiện có của doanh nghiệp thì có bao nhiêu đồng do vay nợ mà có. Do vậy, hệ số này càng lớn và có xu hướng tăng, chứng tỏ rủi ro tài chính càng tăng và ngược lại.

Ø Hệ số thu hồi nợ

$$\text{Hệ số thu hồi nợ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}}$$

Công thức này giải thích rằng, nếu doanh thu bán chịu, bán chậm càng giảm số dư nợ phải thu giảm đi thì hệ số thu nợ càng tăng và rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại

Ø *Thời hạn thu hồi nợ*

$$\text{Thời hạn thu hồi nợ} = \frac{\text{Số ngày trong năm}}{\text{Hệ số thu hồi nợ}}$$

bình quân

Khi hệ số thu hồi nợ tăng, thời hạn thu hồi nợ sẽ giảm, rủi ro tài chính giảm và ngược lại.

2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến đánh giá năng lực tài chính

Đánh giá năng lực tài chính có ý nghĩa quan trọng với nhiều đối tượng khác nhau, ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư, tài trợ. Tuy nhiên, đánh giá năng lực tài chính chỉ thực sự phát huy tác dụng khi nó phản ánh một cách trung thực tình trạng tài chính doanh nghiệp, vị thế của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp khác trong ngành. Muốn vậy, thông tin sử dụng trong phân tích phải chính xác, có độ tin cậy cao, cán bộ phân tích có trình độ chuyên môn giỏi. Ngoài ra, sự tồn tại của hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng phân tích tài chính.

2.5.1. Chất lượng thông tin sử dụng

Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định chất lượng phân tích tài chính, bởi một khi thông tin sử dụng không chính xác, không phù hợp thì kết quả mà phân tích tài chính đem lại chỉ là hình thức, không có ý nghĩa gì. Vì vậy, có thể nói thông tin sử dụng trong phân tích tài chính là nền tảng của phân tích tài chính.

Từ những thông tin bên trong trực tiếp phản ánh tài chính doanh nghiệp đến những thông tin bên ngoài liên quan đến môi trường hoạt động của doanh

nghiệp, người phân tích có thể thấy được tình hình tài chính doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và dự đoán xu hướng phát triển trong tương lai.

Tình hình nền kinh tế trong và ngoài nước không ngừng biến động, tác động hàng ngày đến điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp. Hơn nữa, tiền lại có giá trị theo thời gian, một đồng tiền hôm nay có giá trị khác một đồng tiền trong tương lai. Do đó, tính kịp thời, giá trị dự đoán là đặc điểm cần thiết làm nên sự phù hợp của thông tin. Thiếu đi sự phù hợp và chính xác, thông tin không còn độ tin cậy và điều này tất yếu ảnh hưởng đến chất lượng phân tích tài chính doanh nghiệp.

2.5.2. Trình độ cán bộ phân tích

Có được thông tin phù hợp và chính xác nhưng tập hợp và xử lý thông tin đó như thế nào để đưa lại kết quả phân tích tài chính có chất lượng cao lại là điều không đơn giản. Nó phụ thuộc rất nhiều vào trình độ của cán bộ thực hiện phân tích. Từ các thông tin thu thập được, các cán bộ phân tích phải tính toán các chỉ tiêu, thiết lập các bảng biểu. Tuy nhiên, đó chỉ là những con số và nếu chúng đứng riêng lẻ thì tự chúng sẽ không nói lên điều gì. Nhiệm vụ của người phân tích là phải gắn kết, tạo lập mối liên hệ giữa các chỉ tiêu, kết hợp với các thông tin về điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp để lý giải tình hình tài chính của doanh nghiệp, xác định thế mạnh, điểm yếu cũng như nguyên nhân dẫn đến điểm yếu trên. Hay nói cách khác, cán bộ phân tích là người làm cho các con số “biết nói”. Chính tầm quan trọng và sự phức tạp của phân tích tài chính đòi hỏi cán bộ phân tích phải có trình độ chuyên môn cao.

2.5.3. Hệ thống các chỉ tiêu trung bình ngành

Phân tích tài chính sẽ trở nên đầy đủ và có ý nghĩa hơn nếu có sự tồn tại của hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành. Đây là cơ sở tham chiếu quan trọng khi tiến hành phân tích. Người ta chỉ có thể nói các tỷ lệ tài chính của một doanh nghiệp là cao hay thấp, tốt hay xấu khi đem so sánh với các tỷ lệ

tương ứng của doanh nghiệp khác có đặc điểm và điều kiện sản xuất kinh doanh tương tự mà đại diện ở đây là chỉ tiêu trung bình ngành. Thông qua đối chiếu với hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành, nhà quản lý tài chính biết được vị thế của doanh nghiệp mình từ đó đánh giá được thực trạng tài chính doanh nghiệp cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

2.5.4. Cơ sở vật chất, khoa học công nghệ sử dụng trong phân tích

Khi phân tích năng lực tài chính các đơn vị thì một đơn vị có nền tảng công nghệ tốt sẽ hỗ trợ nhiều trong việc phân tích đánh giá, bởi việc khai thác thông tin từ những nguồn sẵn có, việc thu thập và xử lý thông tin đòi hỏi phải có một hệ thống cơ sở vật chất tốt nhằm rút ngắn thời gian, nâng cao độ chính xác và tăng độ tin cậy của nguồn thông tin. Hệ thống máy tính, trung tâm lưu trữ thông tin, các phần mềm quản lý, phân tích và đánh giá thông tin là những yếu tố kỹ thuật phục vụ cho công tác phân tích cần được đầu tư. Ngược lại, cơ sở vật chất, các phương tiện phân tích phục vụ cho phân tích nghèo nàn, lạc hậu, thiếu các chương trình phân tích hiệu quả sẽ làm cho quá trình phân tích mất nhiều thời gian và có thể gây nhầm lẫn, sai sót không đáng có, ảnh hưởng đến chất lượng phân tích.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY THAM GIA ĐẤU THẦU DỰ ÁN TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

3.1. Giới thiệu chung về Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

3.1.1. Chặng đường xây dựng và phát triển

Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng, tiền thân là Ban Kiến thiết đê – kè và các công trình thủy lợi, được thành lập tại Quyết định số 2316/QĐ-TC ngày 28/12/1972 của Ủy ban Hành chính TP Hà Nội, trực thuộc Sở Thủy lợi Hà Nội. Trong hoàn cảnh vừa chấm dứt chiến tranh phá hoại của Mỹ tại miền Bắc, sự ra đời của Ban kiến thiết thủy lợi có ý nghĩa quan trọng trước yêu cầu cấp thiết phải tu bổ, xây dựng các công trình đê điều, thủy lợi nhằm đáp ứng khả năng an toàn cho đê điều, phòng chống lụt bão và phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Cuối năm 1995, tại Quyết định số 3777/QĐ-UB ngày 17/10/1995, UBND TP Hà Nội đã có quyết định đổi tên thành Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thủy lợi và đê điều, trực thuộc Sở Thủy lợi. Gắn với thực hiện chủ trương thủy lợi hóa, hướng đầu tư tu bổ đê kè kết hợp với công tác quản lý của Ban đem lại hiệu quả rõ rệt. Khối lượng tu bổ làm cho hệ thống đê, kè từng bước vững chắc hơn, xóa bỏ các hư hỏng sự cố, góp phần phòng chống lũ theo tiêu chuẩn quy định.

Từ năm 1997 đến 2003, Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thủy lợi và đê điều được chuyển sang trực thuộc Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội theo Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 29/4/1997 của UBND TP Hà Nội sau khi Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội được sáp nhập từ các ngành Thủy lợi, Nông nghiệp và Lâm nghiệp. Cuối năm 2003, Ban quản lý

được đổi tên thành Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội tại Quyết định số 178/2003/QĐ-UBND ngày 22/12/2003 của UBND TP Hà Nội. Năm 2008, thực hiện hợp nhất một số tỉnh lân cận về thành phố Hà Nội, Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng được thành lập lại trên cơ sở nguyên trạng Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng trước đây tại Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND TP Hà Nội, trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. Ban quản lý là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí cho hoạt động thường xuyên với nhiệm vụ thực hiện chức năng giúp Chủ đầu tư quản lý các dự án đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước của Trung ương và Thành phố.

3.1.2. Các công trình tiêu biểu do Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng thực hiện trong thời gian qua

**** Từ năm 1972 – 1995***

- Dự án Xử lý các đoạn đê bị phá do bom Mỹ ở đê tả Hồng, hữu Hồng và đê Cống Thôn
- Dự án Khoan phụt vữa một số đoạn cần thiết của đê Hà Nội
- Dự án Hệ thống đê kè Phương Độ - Sen Chiêu – Linh Chiêu (Phúc Thọ)
- Dự án Xử lý sạt lở cầu Đuống (Gia Lâm)

**** Từ năm 1995 – 2003***

- Dự án Xử lý nứt đê, vi phạm hành lang đê Yên Phụ (Ba Đình)
- Dự án Xén trạch xây tường chắn mở rộng mặt đê, cải tạo mặt đê và làm đường hành lang chân đê thuộc huyện Đông Anh, Gia Lâm và Long Biên

**** Từ năm 2003 – nay***

- Dự án Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết cho từng tuyến sông có đê trên địa bàn TP Hà Nội

- Dự án Xây dựng trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội tại 331 Cầu Giấy – Hà Nội
- Dự án Tu bổ đê thường xuyên hàng năm các tuyến đê tả, hữu Hồng sông Đuống, tả hữu sông Cà Lồ, hữu sông Cầu
- Dự án Cải tạo nâng cấp đường bộ 5m và hệ thống tiêu thoát nước dọc 2 bên đê từ Yên Phụ đến Phú Thượng, quận Tây Hồ
- Dự án Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực Đan Thê – Tòng Bạt, Ba Vì
- Dự án Xử lý sự cố kè Thanh Diêm –huyện Mê Linh
- Dự án Chống sạt lở bờ tả hữu sông Đuống thuộc địa bàn quận Long Biên và huyện Gia Lâm và Đông Anh
- Dự án Nạo vét cải tạo sông Giàng, huyện Gia Lâm
- Dự án Cải tạo nâng cấp trạm bơm Đông Mỹ, huyện Thanh Trì
- Dự án Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phương Nhị, huyện Thanh Oai
- Dự án Xây mới trạm bơm tiêu Lại Thượng thay thế nhiệm vụ trạm bơm Lại Thượng 1,2, huyện Thạch Thất
- Dự án Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà hữu Hồng, huyện Ba Vì, TP Hà Nội

3.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Ngày 10/3/2009 Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội đã ban hành Quyết định số 455/QĐ-SNN quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng như sau:

▼ Chức năng

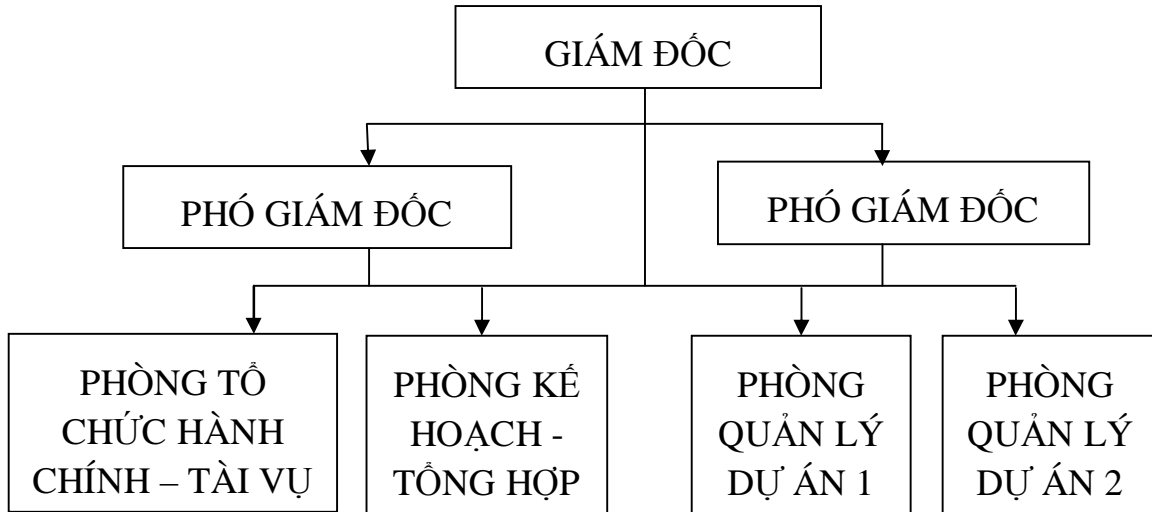
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên; thực hiện nhiệm vụ quản lý các dự án đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước của Trung ương và Thành phố, được Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội giao theo quy định

▼ *Nhiệm vụ và quyền hạn*

- Thực hiện các thủ tục về giao nhận đất, xin cấp giấy phép xây dựng, đền bù giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình
- Chuẩn bị hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình để chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định
- Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu để lựa chọn nhà thầu theo quy định
- Đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế với các nhà thầu theo ủy quyền của Chủ đầu tư
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình khi có đủ điều kiện năng lực
- Tổ chức nghiệm thu, thanh toán và lập hồ sơ quyết toán theo hợp đồng đã ký kết
- Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí khác, an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường của công trình xây dựng
- Nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng
- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng
- Chấp hành nghiêm túc các quy định của Thành phố, của Sở về công tác báo cáo thường xuyên và báo cáo đột xuất
- Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản, vật tư, kinh phí, lao động và các nguồn lực được giao theo quy định hiện hành
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội giao

3.1.4. Bộ máy tổ chức quản lý

Bộ máy tổ chức quản lý của Ban được xây dựng theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ tổ chức Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

(Nguồn: Phòng Tổ chức Hành chính – Tài vụ Ban QLDA)

Chức năng, quyền hạn của các bộ phận, phòng ban:

* Giám đốc

Giám đốc Ban là người đứng đầu Ban Quản lý dự án, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội và trước pháp luật về mọi hoạt động của Ban Quản lý dự án; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

* Phó Giám đốc

Phó Giám đốc Ban là người giúp Giám đốc Ban, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc Ban vắng mặt, một Phó Giám đốc Ban được Giám đốc Ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban Quản lý dự án.

* Phòng Tổ chức Hành chính - Tài vụ

+ *Chức năng:* Tham mưu và giúp việc cho Giám đốc Ban về công tác hành chính, quản trị nội bộ; quản lý tài chính kế toán của Ban theo phân cấp;

quản lý về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ theo phân cấp; thực hiện các chính sách đối với cán bộ nhân viên trong Ban.

+ *Nhiệm vụ*: Giúp giám đốc Ban thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Quản lý hồ sơ nhân sự và các loại hồ sơ tài liệu theo phân cấp.

- Đảm bảo duy trì các hoạt động hành chính của Ban, lập dự trù mua sắm và mua sắm các trang thiết bị, đồ dùng làm việc, mua sắm văn phòng phẩm, sửa chữa, bảo trì các xe ô tô, máy móc, trang thiết bị văn phòng cho cán bộ của Ban theo đúng quy định của Nhà nước.

- Thực hiện công tác hành chính, văn thư lưu trữ theo đúng quy định của Nhà nước.

- Lập dự toán, kiểm tra, hướng dẫn việc thanh toán, quyết toán chi phí Ban quản lý và các dự án.

- Lập quyết toán công trình hoàn thành, lập báo cáo tài chính năm để trình cấp thẩm quyền phê duyệt và công khai tài chính theo quy định.

* *Phòng Kế hoạch - Tổng hợp*

+ *Chức năng*: Tham mưu và giúp giám đốc Ban thực hiện việc quản lý kế hoạch; quản lý các dự án (phối hợp với các phòng dự án); tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định.

+ *Nhiệm vụ*: Giúp Giám đốc Ban thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan lập và triển khai kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm (kế hoạch công việc, kế hoạch kinh phí)

- Soạn thảo các hợp đồng kinh tế của Ban ký với các đơn vị; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng.

- Tổng hợp, lập báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất gửi các cơ quan theo đúng quy định.

- Tổ chức thực hiện công tác đấu thầu, chỉ định thầu các dự án: Chủ trì và phối hợp với các phòng dự án lập và trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ

mời thầu, hồ sơ yêu cầu, tiếp nhận các hồ sơ dự thầu, tổ chức đóng, mở thầu, chấm thầu, trình duyệt kết quả đấu thầu theo quy định của nhà nước.

- Lưu trữ các hồ sơ về kế hoạch, hồ sơ của công tác đấu thầu, hồ sơ năng lực các đơn vị, hồ sơ pháp lý của dự án (bao gồm cả hồ sơ pháp lý thiết kế bản vẽ thi công – dự toán) và các hồ sơ liên quan đến nhiệm vụ của phòng;

** Phòng quản lý dự án 1 và Quản lý dự án 2*

+ *Chức năng*: Tham mưu và giúp giám đốc Ban thực hiện việc quản lý các dự án trong các giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư đạt hiệu quả, chất lượng, tiến độ.

+ *Nhiệm vụ*: Giúp giám đốc Ban thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì và phối hợp với Tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, quyết toán công tác chứng nhận sự phù hợp chất lượng và kiểm định chất lượng theo nhiệm vụ, đề cương, dự toán được duyệt.

- Cung cấp tiên lượng mời thầu và các chỉ dẫn kỹ thuật cho phòng Kế hoạch – Tổng hợp để lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; cử cán bộ tham gia tổ chuyên gia đấu thầu hoặc lựa chọn nhà thầu theo quyết định của Ban.

- Giám sát, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định: Nếu có phát sinh hoặc thay đổi phải báo cáo lãnh đạo Ban để cùng các cơ quan giải quyết.

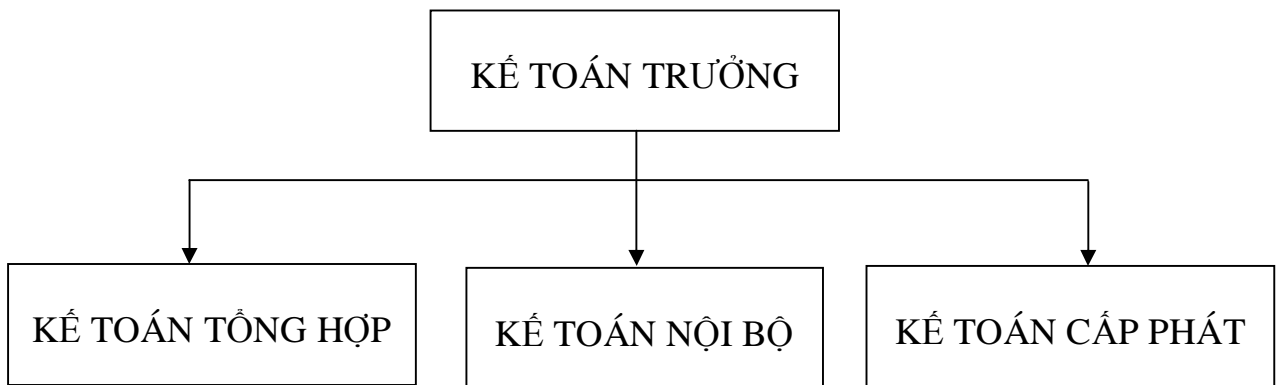
- Tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng tại hiện trường

- Kiểm tra xác nhận hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh quyết toán hạng mục công trình và công trình hoàn thành, lập báo cáo (chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc dự án) các công trình được giao trình lãnh đạo Ban ký.

3.1.5. Đặc điểm bộ máy tổ chức kế toán

- Niên độ kế toán là 01 năm từ 01/01 đến 31/12, thực hiện vốn xây dựng cơ bản và vốn sự nghiệp kinh tế đến 31/01 năm kế tiếp.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Việt Nam đồng.
- Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức chứng từ ghi sổ (theo Thông tư số 195/2012/TT - BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư).
- Phương thức tính hao mòn tài sản cố định: Theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.
- Bộ phận kế toán Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng được tổ chức như sau:



Sơ đồ 3.2. Bộ máy tổ chức kế toán của Ban

(Nguồn: Phòng Tổ chức Hành chính – Tài vụ Ban QLDA)

Phân công nhiệm vụ bộ máy kế toán như sau:

Ù Kế toán trưởng

Phụ trách chung và chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Ban về công tác của bộ phận kế toán tài chính theo quy định hiện hành. Tổ chức điều hành, kiểm tra chỉ đạo bộ máy kế toán thực hiện đúng quy định về ghi chép luân chuyển, lưu giữ chứng từ, quyết toán chi phí Ban và cấp phát, quyết toán vốn các công trình hoàn thành. Lập báo cáo tổng hợp thường xuyên, đột xuất, cung cấp các số liệu tổng hợp cho các đơn vị liên quan.

Ù Kế toán tổng hợp

- Lập thẻ tài sản, theo dõi tài sản cố định, công cụ dụng cụ, thiết bị khi mua tài sản để sử dụng hàng năm.

- Tổng hợp chứng từ chi phí Ban, chứng từ cấp phát thanh toán các dự án, lập báo cáo quyết toán tài chính niên độ và báo cáo quyết toán chi phí Ban quản lý hàng năm để nộp theo đúng quy định

Ù Kế toán thanh toán cấp phát vốn

- Làm thủ tục, chứng từ cấp phát thanh toán vốn cho các dự án, lập báo cáo quyết toán công trình hoàn thành và các công việc liên quan đến dự án được giao theo đúng quy định.

Ù Kế toán nội bộ

- Lập dự toán chi phí Ban quản lý hàng năm theo quy định.

- Theo dõi và thanh toán các chi phí từ tài khoản tiền gửi liên quan đến hoạt động thường xuyên của Ban.

- Làm thủ tục thanh toán, theo dõi chế độ bảo hiểm xã hội cho các cán bộ Ban

3.2. Giới thiệu chung về dự án đấu thầu và ba đơn vị dự thầu

Dự án Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà và hữu Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội được phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 5076/QĐ-UBND ngày 31/10/2011, có mục tiêu xây dựng đường hành lang chân đê đảm bảo công tác phòng chống lụt bão, nâng cao năng lực giao thông, chống lấn chiếm vi phạm, tạo cảnh quang môi trường sạch, đẹp góp phần phát triển kinh tế - xã hội huyện Ba Vì. Dự án có tổng mức đầu tư 256.766 triệu đồng bằng nguồn vốn ngân sách Thành phố và dự án được chia thành 8 gói thầu xây lắp. Trong phạm vi luận văn này chỉ đánh giá về năng lực tài chính của 3 đơn vị tham gia đấu thầu gói xây lắp số 5 Xây dựng đường hành lang chân đê hữu Đà (tuyến thượng lưu đoạn từ K2+250-K3+742,21 và từ K5+780-K9+350,86, tuyến hạ lưu từ K0+600-K9+332,97) với tổng dự toán công trình là 52.561 triệu đồng.

Ba đơn vị tham gia đấu thầu gói xây lắp số 5 Xây dựng đường hành lang chân đê hữu Đà (tuyến thượng lưu đoạn từ K2+250-K3+742,21 và từ K5+780-K9+350,86, tuyến hạ lưu từ K0+600-K9+332,97), gồm:

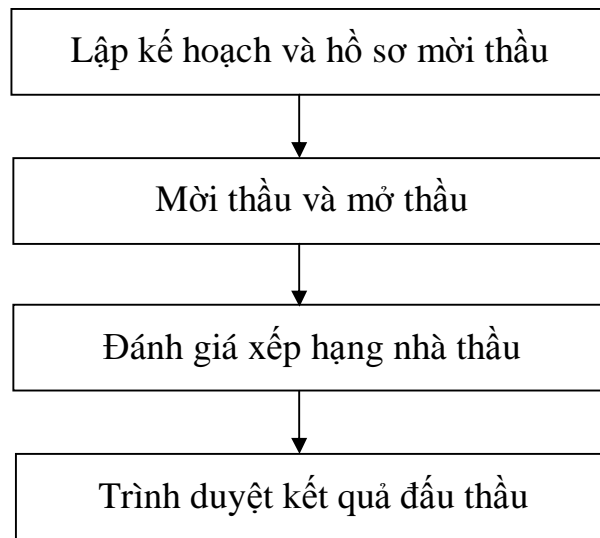
Ø Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: Công ty được thành lập từ năm 1995, địa chỉ: số 16 hẻm 71/14/3 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, Hà Nội; mã số thuế: 0100512636; các ngành nghề kinh doanh chủ yếu: xây dựng nhà dân dụng, xây dựng các công trình thủy lợi, đường sắt, đường bộ, kinh doanh nhà hàng, khách sạn, đầu tư kinh doanh bất động sản...

Ø Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Quang Trung: Công ty được thành lập năm 2006, địa chỉ: số 26 ngõ 189 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội; mã số thuế: 0104281193; các ngành nghề kinh doanh chủ yếu: xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công trình đường sắt và đường bộ, kinh doanh vận tải ô tô...

Ø Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường số 18.6: Công ty được thành lập năm 2007, địa chỉ: Tầng 1+2 Tòa nhà Licogi18, khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội; mã số thuế: 2500279988; ngành nghề kinh doanh chủ yếu: xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công trình đường sắt và đường bộ, kinh doanh máy móc, thiết bị...

3.3. Quy trình đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị tham gia đấu thầu dự án

Quy trình đánh giá năng lực tài chính của 3 đơn vị tham gia đấu thầu dự án Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến hữu Đà, hữu Hồng, Ba Vì được thực hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.3: Quy trình đánh giá năng lực tài chính nhà thầu

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tổng hợp Ban QLDA)

▼ *Lập kế hoạch và hồ sơ mời thầu*

- Lập kế hoạch thời gian thực hiện gói thầu, về nhân sự, về giá và nguồn tài chính, các tiêu chuẩn và thang điểm đánh giá hồ sơ mời thầu
- Lập hồ sơ mời thầu là công việc hết sức quan trọng bao gồm: Thư mời thầu; Mẫu đơn dự thầu; Chỉ dẫn đối với nhà thầu; Hồ sơ thiết kế kỹ thuật kèm theo bản tiền lượng và chỉ dẫn kỹ thuật; Tiến độ thi công; Tiêu chuẩn đánh giá (bao gồm cả phương pháp và cách thức quy đổi về cùng mặt bằng để xác định giá đánh giá)...

▼ *Mời thầu và mở thầu*

- Bên mời thầu đăng thông báo mời thầu công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo thời gian quy định.
- Sau khi nộp hồ sơ dự thầu, những hồ sơ dự thầu nào đúng kế hoạch và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bên mời thầu sẽ được bên mời thầu tiếp nhận và quản lý trong điều kiện đảm bảo bí mật. Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai theo ngày giờ, địa chỉ đã ghi trong hồ sơ mời thầu. Đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu sẽ tham gia mở thầu và ký vào biên bản mở thầu.

▼ *Đánh giá xếp hạng nhà thầu*

Việc đánh giá các hồ sơ dự thầu được thực hiện theo trình tự sau:

- Đánh giá sơ bộ: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu;
- Xem xét sự đáp ứng cơ bản của hồ sơ dự thầu đối với hồ sơ mời thầu: xem xét năng lực tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm... của nhà thầu với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
- Đánh giá chi tiết, tổng hợp, xếp hạng nhà thầu theo giá đánh giá và kiến nghị nhà thầu trúng thầu với giá trúng thầu tương ứng: Dựa vào kết quả đánh giá chi tiết và căn cứ vào thang điểm đã lập bên mời thầu sẽ có đánh giá tổng hợp và cho điểm các hồ sơ dự thầu từ đó xếp hạng nhà thầu để có căn cứ trình người có thẩm quyền quyết định đầy đủ và phê duyệt nhà thầu trúng thầu.

▼ *Trình duyệt kết quả đấu thầu*

Bên mời thầu sau khi căn cứ vào kết quả chấm thầu và các quy định của nhà nước, người quản lý công việc đấu thầu lập bản tường trình chi tiết và đầy đủ tới chủ đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan để thẩm định và xét duyệt lần cuối cùng. Thông thường các gói thầu trúng thầu là các gói thầu có số điểm cao nhất, phù hợp với các tiêu chuẩn của quy chế đấu thầu.

3.4. Nội dung đánh giá năng lực tài chính tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

Để minh họa cho thực trạng đánh giá năng tài chính của các doanh nghiệp tham gia đấu thầu các dự án thuộc Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng, luận văn sử dụng quy trình, phương pháp, tài liệu và nội dung đánh giá năng lực tài chính của công ty xây dựng tham gia đấu thầu dự án Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến hữu Đà, hữu Hồng tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng làm ví dụ.

3.4.1. Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia đấu thầu dự án

3.4.1.1. Phân tích cấu trúc tài sản của doanh nghiệp

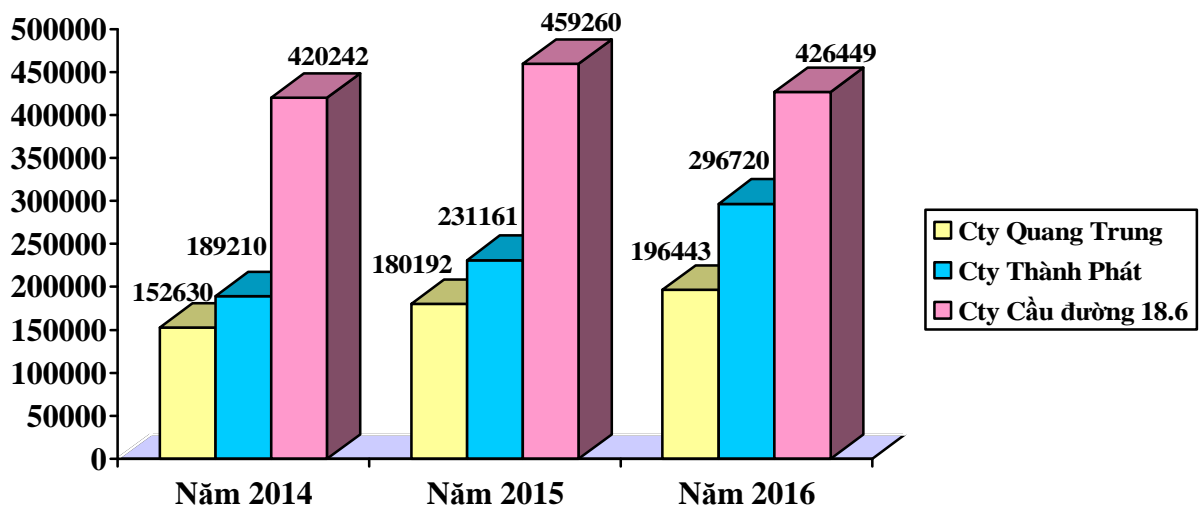
Mục đích của phân tích cấu trúc tài sản nhằm đánh giá những đặc trưng trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp. Dựa vào Bảng cân đối kế toán của 3 công ty, cán bộ phân tích tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng lập Bảng phân tích cấu trúc tài sản của các công ty như sau:

Bảng 3.1: Bảng phân tích cấu trúc tài sản của các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6		
		2014	2015	2016	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1	Tiền và khoản tương đương tiền	1.832	4.165	2.852	548	11.237	6.450	67.966	47.058	22.577
2	Đầu tư tài chính	50.000	7.000	16.000	0	0	0	0	0	0
3	Phải thu khách hàng	25.870	108.500	103.442	57.818	86.162	77.666	145.589	145.480	197.142
4	Hàng tồn kho	14.335	24.631	53.755	54.610	33.554	62.265	132.163	155.239	109.509
5	Tài sản cố định	27.266	28.336	45.990	33.936	40.397	33.992	40.595	67.112	57.390
6	Tài sản khác	69.907	58.529	74.681	5.718	8.842	16.070	33.929	44.371	39.831
7	Tổng tài sản	189.210	231.161	296.720	152.630	180.192	196.443	420.242	459.260	426.449
8	Tỷ trọng tiền và tương đương tiền: (8) = (1)/(7)	0,97%	1,80%	0,96%	0,36%	6,24%	3,28%	16,17%	10,25%	5,29%
9	Tỷ trọng đầu tư tài chính: (9)=(2)/(7)	26,43%	3,03%	5,39%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
10	Tỷ trọng phải thu KH: (10)=(3)/(7)	13,67%	46,94%	34,86%	37,88%	47,82%	39,54%	34,64%	31,68%	46,23%
11	Tỷ trọng hàng tồn kho: (11)=(4)/(7)	7,58%	10,66%	18,12%	35,78%	18,62%	31,70%	31,45%	33,80%	25,68%
12	Tỷ trọng tài sản cố định: (12)=(5)/(7)	14,41%	12,26%	15,50%	22,23%	22,42%	17,30%	9,66%	14,61%	13,46%
13	Tỷ trọng tài sản khác (13)=(6)/(7)	36,94%	25,31%	25,17%	3,75%	4,90%	8,18%	8,08%	9,66%	9,34%

(Nguồn: tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)



Biểu đồ 3.1: Phân tích tổng tài sản các công ty tham gia đấu thầu

(Nguồn: tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Nhìn vào Bảng 3.1: Phân tích cấu trúc tài sản và Biểu đồ 3.1: Phân tích tổng tài sản của các công ty tham gia đấu thầu dự án thì ta thấy:

+ Đối với Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: Chỉ số tỷ trọng tiền và khoản tương đương tiền ở mức thấp do công ty sử dụng tiền vào đầu tư tài chính sinh lời thay vì để lượng tiền nhàn rỗi. Năm 2016, tỷ trọng đầu tư tài chính giảm so với năm 2014 do doanh nghiệp đã tập trung vào mua tài sản cố định, phục vụ cho hoạt động kinh doanh sản xuất làm cho tài sản cố định tăng lên 17.654 triệu đồng (tương đương tăng 3,24% so với năm 2015). Chứng tỏ qui mô của doanh nghiệp ngày càng được mở rộng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, năng lực sản xuất càng được nâng cao.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: Tỷ trọng tiền và khoản tương đương tiền thấp hơn so với 2 công ty còn lại, vẫn đảm bảo đủ tiền cho hoạt động kinh doanh hàng ngày. Doanh nghiệp ko có khoản mục đầu tư tài chính nào. Tỷ trọng tài sản cố định năm 2016 giảm so với 2 năm trước (giảm 6.405 triệu đồng, tương đương 5,12% so với năm 2015) do công

ty ko có đầu tư vào mua sắm tài sản cố định, lại có hoạt động thanh lý các tài sản cũ hết hao mòn.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: Tỷ trọng tiền và khoản tương đương tiền ở mức cao so với 2 công ty còn lại nên khả năng xảy ra gian lận, rủi ro mất mát cũng lớn hơn. Công ty cũng không có khoản đầu tư tài chính nào trong 3 năm gần đây. Năm 2015 công ty có đầu tư vào mua sắm máy móc thiết bị nên tỷ trọng tài sản cố định tăng 26.517 triệu đồng (tương đương 4,95%) so với năm 2014 nhưng đến năm 2016 giảm đi 9.722 triệu đồng (tương đương 1,15%) do có hoạt động thanh lý tài sản cũ hỏng trong năm.

+ Đặc điểm sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây lắp là các công trình xây dựng thường kéo dài nhiều năm nên chi phí phát sinh hàng năm của các công trình được ghi nhận vào tài khoản sản xuất kinh doanh dở dang, làm cho số dư cuối năm trên tài khoản Hàng tồn kho của các công ty xây dựng thường lớn. Theo bảng phân tích cấu trúc tài sản của các công ty tham gia đấu thầu dự án, tỷ trọng hàng tồn kho của Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát có giá trị thấp nhất, điều đó cho thấy các công trình do công ty thi công không bị dở dang phát sinh chi phí lớn qua nhiều năm.

+ Một điểm đặc thù của các doanh nghiệp xây lắp là các công trình thi công kéo dài qua nhiều năm nên thường được nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình theo từng giai đoạn, khi đó kế toán công ty phải ghi nhận doanh thu và các khoản phải thu khách hàng nếu chưa được bên chủ đầu tư thanh toán tiền. Dẫn đến các khoản phải thu khách hàng của các công ty xây dựng thường cao. Trong số 3 đơn vị tham gia đấu thầu gói xây lắp số 5 Xây dựng đường hành lang chân đê hữu Đà, hữu Hồng thì công ty TNHH Xây dựng Thành Phát có tỷ trọng phải thu khách hàng thấp nhất, chứng tỏ chính sách thu hồi nợ của công ty khá tốt so với 2 công ty còn lại. Còn công ty CP

Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6 có tỷ trọng phải thu khách hàng cao nhất, công ty cần đưa ra các biện pháp thu hồi các khoản nợ trong doanh nghiệp để đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh.

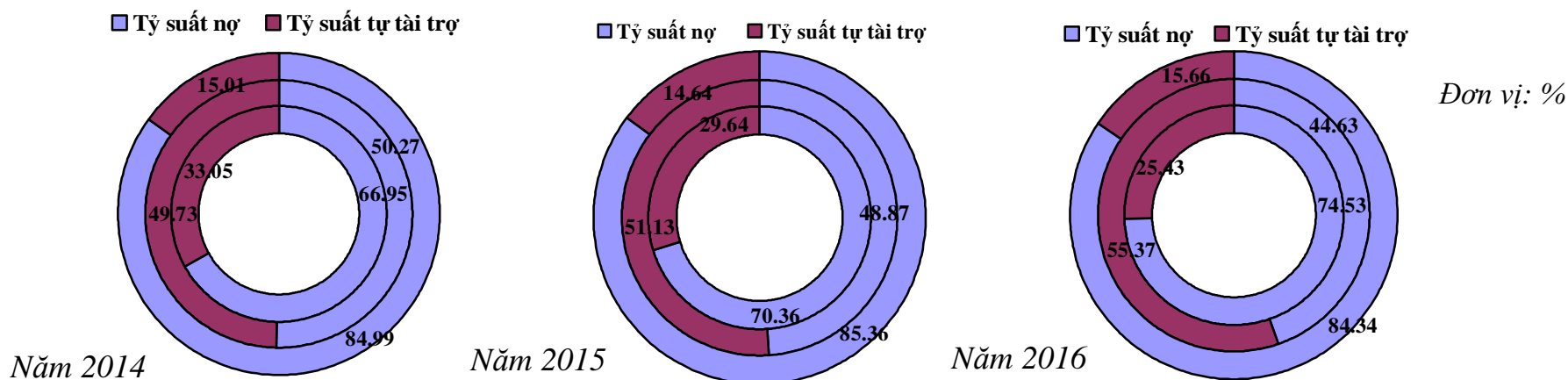
3.4.1.2. Phân tích cấu trúc nguồn vốn của doanh nghiệp

Đặc điểm các công ty xây dựng thường phải đầu tư vốn lớn. Việc đầu tư này chủ yếu là mua sắm máy móc thiết bị thi công phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó có thể thấy nhu cầu huy động vốn của các công ty xây dựng là rất cao, trong đó nguồn đi vay thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn. Vì vậy việc xem xét đánh giá cấu trúc nguồn vốn của các đơn vị tham gia đấu thầu là việc quan trọng. Dựa vào Bảng cân đối kế toán của 3 công ty, cán bộ phân tích lập Bảng phân tích cấu trúc nguồn vốn của các công ty tham gia đấu thầu như sau:

Bảng 3.2: Bảng phân tích cấu trúc nguồn vốn của các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6		
		2014	2015	2016	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1	Nợ phải trả	126.674	162.635	221.151	76.729	88.065	87.666	357.173	392.029	359.670
2	Vốn chủ sở hữu	62.536	68.526	75.469	75.901	92.127	108.777	63.069	67.231	66.779
3	Tổng nguồn vốn	189.210	231.161	296.720	152.630	180.192	196.443	420.242	459.260	426.449
4	Tỷ suất nợ: (4)=(1)/(3)	66,95%	70,36%	74,53%	50,27%	48,87%	44,63%	84,99%	85,36%	84,34%
5	Tỷ suất tự tài trợ: (5)=(2)/(3)	33,05%	29,64%	25,43%	49,73%	51,13%	55,37%	15,01%	14,64%	15,66%

**Biểu đồ 3.2: Phân tích cấu trúc nguồn vốn của 3 công ty tham gia đấu thầu theo từng năm**

(Nguồn: tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Dựa vào biểu đồ và bảng phân tích cấu trúc nguồn vốn của các công ty tham gia đấu thầu dự án thì ta nhận xét được:

+ Đối với Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: Tỷ suất nợ tương đối cao và tăng dần qua các năm, từ 66,95% năm 2014, tăng lên 74,53% năm 2016. Và khi đó tỷ suất tự tài trợ của công ty giảm từ 33,05% năm 2014 còn 25,43% năm 2016. Điều đó cho thấy công ty đang mất dần khả năng tự chủ về tình hình tài chính, chịu nhiều áp lực về khả năng thanh toán.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: Tỷ suất nợ và tỷ suất tự tài trợ tương đương nhau. Tỷ suất tự tài trợ cao hơn: năm 2014 là 49,73% tăng lên thành 55,37% vào năm 2016, chứng tỏ doanh nghiệp có tính độc lập cao về tài chính và ít bị sức ép bởi các chủ nợ, có thể chủ động đáp ứng nhu cầu tài trợ cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có nhiều cơ hội tiếp nhận các khoản tín dụng từ bên ngoài.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: Tỷ suất nợ lớn (chiếm trên 80% trong 3 năm gần đây) và tỷ suất tự tài trợ nhỏ. Khi tỉ suất nợ lớn, tỉ suất tự tài trợ nhỏ thì tính tự chủ về tài chính của doanh nghiệp được đánh giá là thấp, gặp áp lực cao về khả năng thanh toán. Khi tỉ suất nợ lớn doanh nghiệp khó thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

Trong 3 công ty trên thì Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung có cấu trúc nguồn vốn ổn định nhất, khả năng tự chủ về tài chính tốt nhất.

3.4.1.3. Phân tích vốn lưu động ròng của doanh nghiệp

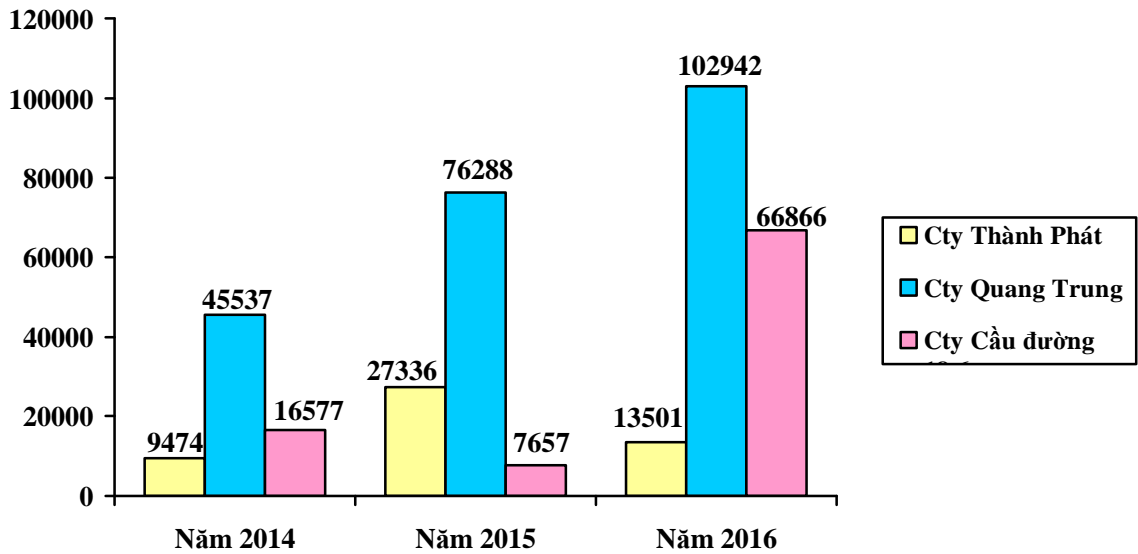
Vốn lưu động ròng đo lường mức độ hiệu quả hoạt động cũng như sức mạnh tài chính của một doanh nghiệp. Do đó khi đánh giá năng lực tài chính của các nhà thầu xây lắp, ta không thể bỏ qua việc đánh giá chỉ tiêu vốn lưu động ròng. Dựa vào Bảng cân đối kế toán của 3 công ty, cán bộ phân tích lập Bảng phân tích vốn lưu động ròng của các công ty như sau:

Bảng 3.3: Bảng phân tích vốn lưu động ròng của các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư XD Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và XD Cầu đường số 18.6		
		2014	2015	2016	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1	Tài sản dài hạn	70.996	72.957	75.623	33.936	40.397	33.992	47.659	84.139	70.213
2	Vay dài hạn	17.934	31.768	13.655	3.573	24.559	28.157	1.168	24.566	70.300
3	Vốn chủ sở hữu	62.536	68.525	75.469	75.900	92.126	108.777	63.068	67.230	66.779
4	Nguồn vốn dài hạn: (4)=(2)+(3)	80.470	100.293	89.124	79.473	116.685	136.934	64.236	91.796	137.079
5	Vốn lưu động ròng: (5)=(4)-(1)	9.474	27.336	13.501	45.537	76.288	102.942	16.577	7.657	66.866
6	Chênh lệch năm sau – năm trước	0	17.862	(13.835)	0	30.751	26.654	0	(8.920)	59.209

(Nguồn: tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)



Biểu đồ 3.3: Phân tích vốn lưu động ròng của 3 công ty dự thầu

(Nguồn: tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Nhìn vào bảng và biểu đồ phân tích vốn lưu động ròng của các công ty tham gia đấu thầu dự án thì cán bộ phân tích đưa ra kết luận:

+ Đối với Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: Vốn lưu động ròng năm 2015 tăng 17.862 triệu đồng so với năm 2014, tuy năm 2016 vốn lưu động ròng giảm 13.835 triệu đồng so với năm 2015 nhưng đó là do công ty đã giảm được số tiền vay dài hạn (giảm 18.113 triệu đồng) và tăng vốn chủ sở hữu (tăng 6.944 triệu đồng). Qua đó ta tính độc lập về tài chính sẽ giảm nhưng lại tăng hiệu ứng đòn bẩy nợ nếu tăng nợ dài hạn và phải chịu rủi ro về sử dụng nợ.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: Vốn lưu động ròng năm 2015 tăng 30.751 triệu đồng so với năm 2014 và năm 2016 tăng 26.654 triệu đồng so với năm 2015. Cho thấy mức độ an toàn và bền vững tài chính của doanh nghiệp là tốt vì không chỉ tài sản dài hạn mà cả tài sản ngắn hạn đều được tài trợ bằng nguồn vốn dài hạn. Điều đó chứng tỏ khả năng độc

lập về tài chính của doanh nghiệp ổn định, đáp ứng được các nhu cầu sản xuất kinh doanh lâu dài của công ty.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: Vốn lưu động năm 2015 giảm 8.920 triệu đồng so với năm 2016 và năm 2016 lại tăng 59.209 triệu đồng so với năm 2015. Nhưng sự tăng vốn lưu động ròng đó là do nguồn vay dài hạn tăng 45.734 triệu đồng, trong khi vốn chủ sở hữu lại giảm 451 triệu đồng. Điều đó cho thấy tính độc lập về tài chính giảm, công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong thanh toán.

3.4.2. Phân tích tính thanh khoản của tài sản

3.4.2.1. Tính thanh khoản các khoản phải thu

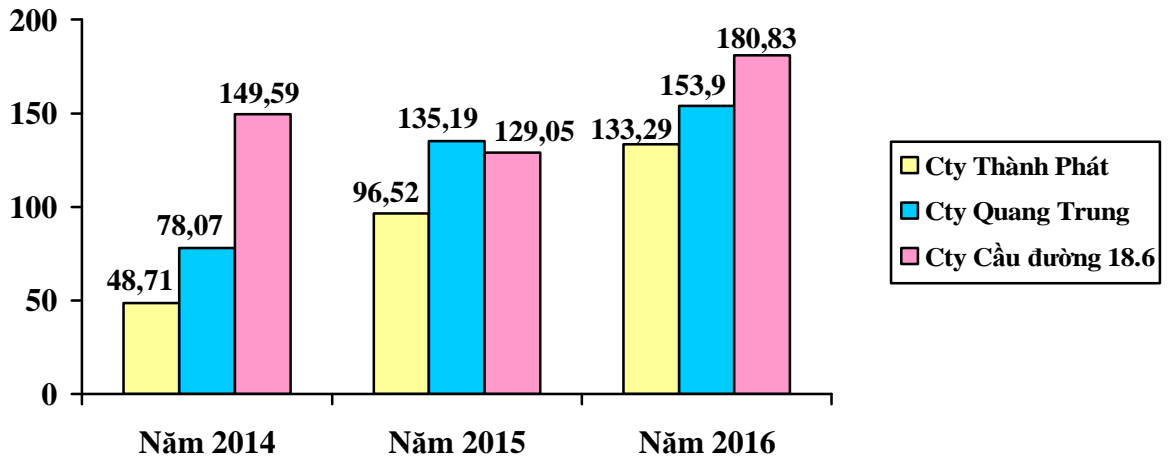
Do đặc thù của các doanh nghiệp xây dựng là thời gian thi công kéo dài do đó tình hình thanh toán công nợ cũng tiến hành thanh toán theo tiến độ thi công công trình. Tuy nhiên, một thực tế hiện nay tại các doanh nghiệp xây lắp đó là công ty không thu hồi được các khoản phải thu khi công trình đã hoàn thành và bàn giao. Do đó, các khoản nợ phải thu sẽ ảnh hưởng nhất định đến nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp. Vì vậy, việc phân tích chỉ tiêu tính thanh khoản các khoản phải thu của các đơn vị xây lắp tham gia đấu thầu dự án là việc hết sức quan trọng khi đánh giá năng lực tài chính. Dựa vào Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của 3 công ty, cán bộ phân tích lập bảng phân tích sau:

Bảng 3.4: Bảng phân tích tính thanh khoản các khoản phải thu của các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6		
		2014	2015	2016	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	308.621	310.588	341.784	271.342	213.733	223.818	365.335	472.791	398.965
2	Các khoản phải thu đầu kỳ	34.198	48.178	116.085	52.752	63.323	95.003	137.142	162.319	171.991
3	Các khoản phải thu cuối kỳ	48.178	116.085	133.539	63.323	95.003	93.735	162.319	171.991	223.320
4	Các khoản phải thu bình quân (4)=[(2)+(3)]/2	41.188	82.132	124.812	58.038	79.163	94.369	149.731	167.155	197.656
5	Số vòng quay các khoản phải thu: (5)=(1)/(4)	7,49	3,78	2,74	4,68	2,70	2,37	2,44	2,83	2,02
6	Số ngày phải thu: (6)=365/(5)	48,71	96,52	133,29	78,07	135,19	153,90	149,59	129,05	180,83

(Nguồn: tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)



Biểu đồ 3.4: Phân tích tính thanh khoản các khoản phải thu 3 công ty dự thầu

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Do đặc thù của các doanh nghiệp xây dựng là thời gian thi công kéo dài do đó tình hình thanh toán công nợ cũng tiến hành thanh toán theo tiến độ thi công của công trình. Dựa vào Bảng phân tích tính thanh khoản các khoản phải thu của các công ty tham gia đấu thầu dự án thì cán bộ phân tích đưa ra nhận xét như sau: Cả 3 công ty đều có chỉ số vòng quay các khoản phải thu giảm dần và số ngày phải thu đều tăng qua các năm gần đây. Điều đó chứng tỏ khả năng thu hồi nợ của các công ty ngày càng khó khăn hơn:

+ Đối với Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: Số vòng quay các khoản phải thu: năm 2014 từ 7,49 lần xuống 3,78 lần vào năm 2015 và giảm còn 2,74 lần vào năm 2016. Còn số ngày phải thu tăng trong 3 năm: năm 2014 từ 48,71 ngày lên 96,52 ngày vào năm 2015 và năm 2016 tăng lên thành 133,29 ngày.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: Số vòng quay các khoản phải thu: năm 2014 từ 4,68 lần xuống 2,7 lần vào năm 2015 và giảm còn 2,37 lần vào năm 2016. Còn số ngày phải thu tăng trong 3 năm: năm 2014 từ 78,07 ngày lên 135,19 ngày vào năm 2015 và năm 2016 tăng lên thành 153,90 ngày.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: Số vòng quay các khoản phải thu: năm 2014 từ 2,44 lần tăng lên thành 2,83 lần vào năm 2015 nhưng lại giảm còn 2,02 lần vào năm 2016. Còn số ngày phải thu tăng trong 3 năm: năm 2014 từ 149,59 ngày giảm còn 129,05 ngày vào năm 2015 nhưng đến năm 2016 tăng lên thành 180,83 ngày.

Trong 3 công ty trên thì công ty TNHH Xây dựng Thành Phát có chỉ số vòng quay các khoản phải thu cao nhất và số ngày phải thu thấp nhất nên cho thấy khả năng thu hồi nợ phải thu tốt hơn 2 công ty còn lại.

3.4.2.2. Phân tích tính thanh khoản của hàng tồn kho

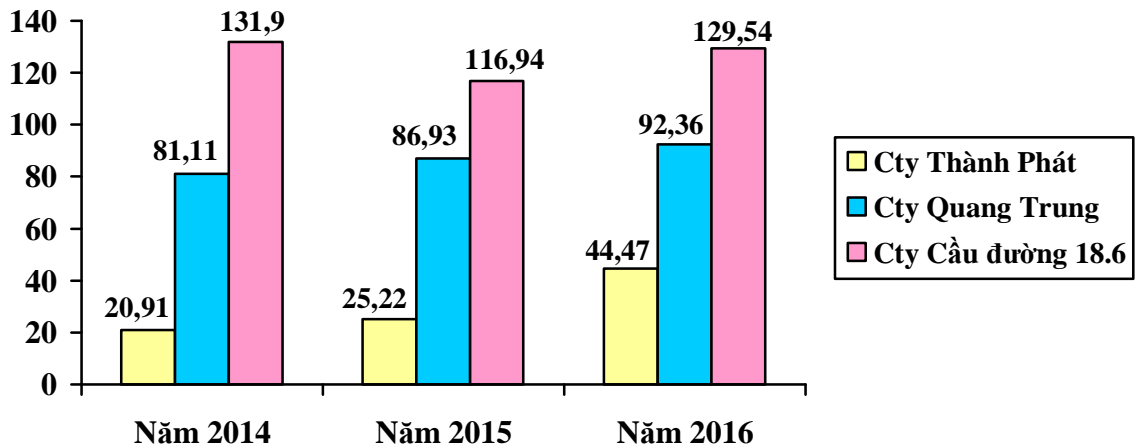
Đặc điểm sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây lắp là các công trình xây dựng thường kéo dài nhiều năm nên chi phí phát sinh hàng năm của các công trình được ghi nhận vào tài khoản sản xuất kinh doanh dở dang, làm cho số dư cuối năm trên tài khoản Hàng tồn kho của các công ty xây dựng thường lớn. Do đó việc phân tích tính thanh khoản của hàng tồn kho các đơn vị dự thầu có ý nghĩa quan trọng. Dựa vào các báo cáo tài chính được cung cấp, cán bộ phân tích lập bảng phân tích tính thanh khoản của hàng tồn kho các đơn vị tham gia đấu thầu như sau:

Bảng 3.5: Bảng phân tích tính thanh khoản các khoản hàng tồn kho của các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư XD Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và XD Cầu đường số 18.6		
		2014	2015	2016	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1	Giá vốn hàng bán	282.279	281.923	321.669	242.503	185.094	189.325	346.720	448.524	372.994
2	Hàng tồn kho đầu kỳ	18.003	14.335	24.631	53.164	54.610	33.554	118.420	132.163	155.239
3	Hàng tồn kho cuối kỳ	14.335	24.631	53.755	54.610	33.554	62.265	132.163	155.239	109.509
4	Hàng tồn kho trung bình (3) = [(2)+(3)]/2	16.169	19.483	39.193	53.887	44.082	47.910	125.292	143.701	132.374
5	Hệ số vòng quay hàng tồn kho (5) = (1)/(4)	17,46	14,47	8,21	4,50	4,20	3,95	2,77	3,12	2,82
6	Số ngày dự trữ hàng tồn kho (6) = 365/(5)	20,91	25,22	44,47	81,11	86,93	92,36	131,90	116,94	129,54

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)



Biểu đồ 3.5: Phân tích tính thanh khoản hàng tồn kho 3 công ty dự thầu

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Dựa vào Biểu đồ và Bảng phân tích tính thanh khoản hàng tồn kho của các công ty tham gia đấu thầu dự án cán bộ phân tích đưa ra nhận xét như sau: Cả 3 công ty đều có hệ số vòng quay các khoản phải thu giảm dần và số ngày dự trữ hàng tồn kho đều tăng qua các năm gần đây. Điều đó chứng tỏ hàng tồn kho của các công ty đều ứ đọng nhiều, các công trình thi công đều phát sinh chi phí lớn, dở dang qua nhiều năm mà chưa được ghi nhận là giá vốn hàng bán:

+ Đối với Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: Số vòng quay hàng tồn kho: năm 2014 từ 17,46 lần xuống 14,47 lần vào năm 2015 và giảm còn 8,21 lần vào năm 2016. Còn số ngày dự trữ hàng tồn kho lại tăng trong 3 năm: năm 2014 từ 20,91 ngày lên 25,22 ngày vào năm 2015 và năm 2016 tăng lên thành 44,47 ngày.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: Số vòng quay hàng tồn kho: năm 2014 từ 4,5 lần xuống 4,2 lần vào năm 2015 và giảm còn 3,95 lần vào năm 2016. Còn số ngày dự trữ hàng tồn kho lại tăng trong 3 năm: năm 2014 từ 81,11 ngày lên 86,93 ngày vào năm 2015 và năm 2016 tăng lên thành 92,36 ngày.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: Số vòng quay hàng tồn kho: năm 2014 từ 2,77 lần tăng lên thành 3,12 lần vào năm 2015 nhưng đến năm 2016 giảm còn 8,21 lần. Còn số ngày dự trữ hàng tồn kho lại tăng trong 3 năm: năm 2014 từ 131,90 ngày giảm còn 116,94 ngày vào năm 2015 nhưng năm 2016 tăng lên thành 129,54 ngày.

Trong 3 công ty trên thì công ty TNHH Xây dựng Thành Phát có chỉ số vòng quay hàng tồn kho cao nhất và số ngày dự trữ hàng tồn kho thấp hơn 2 công ty còn lại.

3.4.3. Phân tích các chỉ số thanh toán

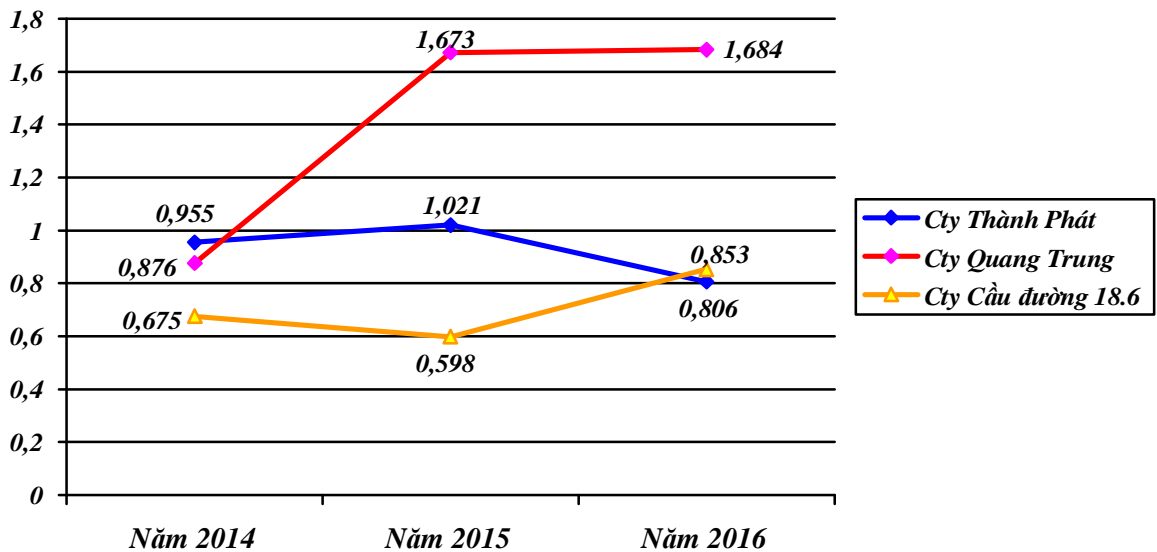
Dựa vào Bảng cân đối kế toán của 3 công ty, cán bộ phân tích lập Bảng phân tích các chỉ số thanh toán của các công ty như sau:

Bảng 3.6: Bảng phân tích các chỉ số thanh toán của các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư XD Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và XD Cầu đường số 18.6		
		2014	2015	2016	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1	Tiền và tương đương tiền	1.832	4.165	2.852	548	11.237	6.450	67.966	47.058	22.577
2	Hàng tồn kho	14.335	24.631	53.755	54.610	33.554	62.265	132.163	155.239	109.509
3	Tài sản ngắn hạn	118.213	158.203	221.096	118.693	139.795	162.451	372.583	375.120	356.236
4	Nợ ngắn hạn	108.739	130.867	207.595	73.155	63.506	59.509	356.005	367.463	289.370
5	Hệ số thanh toán tiền mặt (5)=(1)/(4)	0,017	0,032	0,014	0,007	0,177	0,108	0,191	0,128	0,078
6	Hệ số thanh toán ngắn hạn (6)=(3)/(4)	1,087	1,209	1,065	1,622	2,201	2,730	1,047	1,021	1,231
7	Hệ số thanh toán nhanh (7)=(3-2)/4	0,955	1,021	0,806	0,876	1,673	1,684	0,675	0,598	0,853

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ Báo cáo tài chính của 3 công ty)



Biểu đồ 3.6: Phân tích hệ số thanh toán nhanh của 3 công ty dự thầu

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Khi phân tích các chỉ số khả năng thanh toán của doanh nghiệp cho biết năng lực tài chính trước mắt và lâu dài của doanh nghiệp. Nhìn vào bảng phân tích các chỉ số thanh toán và biểu đồ phân tích hệ số thanh toán nhanh của các công ty tham gia đấu thầu dự án thì cán bộ phân tích đưa ra kết luận:

+ Đối với Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: các chỉ số thanh toán đều tăng vào năm 2015 nhưng sau đó lại giảm vào năm 2016, điều đó cho thấy khả năng thanh toán của công ty giảm dần, năng lực tài chính ngày càng thấp đi, đây là dấu hiệu không tốt nên công ty cần có biện pháp khắc phục.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: các chỉ số thanh toán của công ty đều tăng đều qua các năm, ở mức ổn định, cho thấy rằng khả năng thanh toán của công ty cao, an ninh tài chính ngày càng vững chắc.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: các chỉ số thanh toán đã được tăng lên trong 3 năm qua, điều đó cũng cho thấy rằng khả năng thanh toán của công ty đã dần cải thiện, đáp ứng được các nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Như vậy, trong các công ty tham gia đấu thầu Gói thầu số 5 dự án Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà hữu Hồng thì công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung có chỉ số thanh toán tăng đều và ổn định qua các năm, cho thấy năng lực tài chính của công ty vững chắc hơn 2 công ty còn lại, đảm bảo yêu cầu về tài chính cho gói thầu tốt hơn.

3.4.4. Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh

3.4.4.1. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản

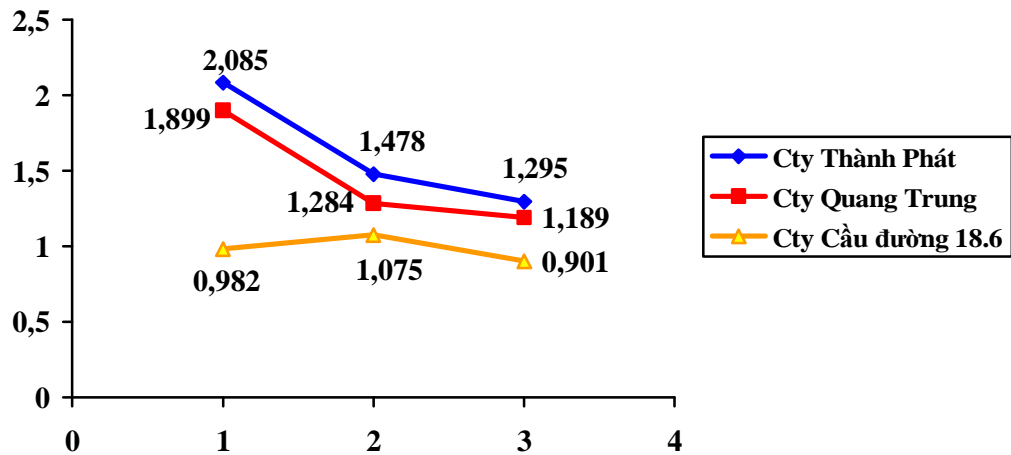
Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của đơn vị dự thầu giúp đánh giá việc doanh nghiệp có sử dụng tài sản hiệu quả hay không, đem lại doanh thu cao hay không. Dựa vào Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của 3 công ty, cán bộ phân tích lập Bảng phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của các công ty như sau:

Bảng 3.7: Bảng phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6		
		2014	2015	2016	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1	Doanh thu thuần	308.621	310.588	341.784	271.342	213.733	223.818	365.335	472.791	398.965
2	Tổng tài sản đầu kỳ	106.831	189.210	231.161	143.098	152.630	180.192	323.660	420.242	459.260
3	Tổng tài sản cuối kỳ	189.210	231.161	296.720	142.630	180.192	196.443	420.242	459.260	426.449
4	Tổng tài sản bình quân (4)=(2+3)/2	148.021	210.186	263.941	142.864	166.411	188.318	371.951	439.751	442.855
5	Tài sản cố định đầu kỳ	50.229	27.266	28.336	33.704	33.936	40.397	29.283	40.595	67.112
6	Tài sản cố định cuối kỳ	27.266	28.336	46.085	33.936	40.397	33.992	40.595	67.112	57.390
7	Tài sản cố định bình quân (7)=(5+6)/2	38.748	27.801	37.211	33.820	37.167	37.195	34.939	53.854	62.251
8	Số vòng quay tổng tài sản (8)=(1)/(4)	2,085	1,478	1,295	1,899	1,284	1,189	0,982	1,075	0,901
9	Số vòng quay tài sản cố định (9)=(1)/(7)	7,965	11,172	9,185	8,023	5,751	6,018	10,456	8,779	6,409

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)



Biểu đồ 3.7: Phân tích số vòng quay tổng tài sản của 3 công ty dự thầu

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Dựa vào biểu đồ và bảng phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của các công ty tham gia đấu thầu dự án thì cán bộ phân tích đưa ra nhận xét như sau:

+ Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: có số vòng quay tổng tài sản giảm qua các năm từ 2,085 lần (năm 2014) xuống còn 1,295 lần vào năm 2016, cho thấy 1 đồng tổng tài sản tạo ra 1,295 đồng doanh thu. Số vòng quay tài sản cố định năm 2014 từ 7,965 lần tăng lên 9,185 lần (năm 2016), cho thấy 1 đồng tài sản cố định đưa vào sử dụng tạo ra 9,185 đồng doanh thu.

+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: có số vòng quay tổng tài sản giảm qua các năm từ 1,899 lần (năm 2014) xuống còn 1,189 lần vào năm 2016, cho thấy 1 đồng tổng tài sản tạo ra 1,189 đồng doanh thu. Số vòng quay tài sản cố định năm 2014 từ 8,023 lần giảm xuống 6,018 lần (năm 2016), cho thấy 1 đồng tài sản cố định đưa vào sử dụng tạo ra 6,018 đồng doanh thu.

+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: có số vòng quay tổng tài sản giảm qua các năm từ 0,982 lần (năm 2014) xuống còn 0,901 lần vào năm 2016, cho thấy 1 đồng tổng tài sản tạo ra 0,901 đồng doanh thu. Số vòng quay tài sản cố định năm 2014 từ 10,456 lần giảm xuống 6,409 lần (năm

2016), cho thấy 1 đồng tài sản cố định đưa vào sử dụng tạo ra 6,409 đồng doanh thu.

Trong các công ty tham gia đấu thầu dự án, công ty TNHH Xây dựng Thành Phát tuy có số tài sản và tài sản cố định thấp hơn công ty CP Đầu tư và XD Cầu đường số 18.6 nhưng có số vòng quay tổng tài sản và số vòng quay tài sản cố định cao nhất, chứng tỏ tài sản được công ty TNHH XD Thành Phát đưa vào sử dụng đạt hiệu quả cao hơn, giúp tạo doanh thu tốt hơn.

3.4.4.2. Phân tích khả năng sinh lời

Dựa vào Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của 3 công ty, cán bộ phân tích lập Bảng phân tích khả năng sinh lời của các công ty như sau:

Bảng 3.8: Bảng phân tích khả năng sinh lời của các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6		
		2014	2015	2016	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1	Lợi nhuận sau thuế	8.416	6.289	7.166	14.429	16.226	16.650	6.978	10.147	8.227
2	Doanh thu thuần	308.621	310.588	341.784	271.342	213.733	223.818	365.335	472.791	398.965
3	Vốn chủ sở hữu	62.536	68.525	75.469	75.900	92.126	108.777	63.068	67.230	66.779
4	Tổng tài sản bình quân	148.021	210.186	263.941	142.864	166.411	188.318	371.951	439.751	442.855
5	Tỷ suất sinh lời của Doanh thu (ROS): (5)=(1)/(2)	0,027	0,020	0,021	0,053	0,076	0,074	0,019	0,021	0,021
6	Tỷ suất sinh lời của Tài sản (ROA): (6)=(1)/(4)	0,057	0,030	0,027	0,101	0,098	0,088	0,019	0,023	0,019
7	Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE): (7)=(1)/(3)	0,135	0,092	0,095	0,190	0,176	0,153	0,111	0,151	0,123

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Khi phân tích các chỉ số khả năng sinh lời của doanh nghiệp cho biết với mỗi nguồn lực kinh tế bỏ ra thì doanh nghiệp thu được bao nhiêu lợi nhuận. Dựa vào bảng phân tích khả năng sinh lời của các công ty tham gia đấu thầu dự án thì cán bộ phân tích đưa ra kết luận:

+ Đối với Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: các chỉ số tỷ suất sinh lời của công ty đều ở mức thấp và có dấu hiệu giảm dần qua các năm: tỷ suất ROA: năm 2014 từ 0,057 giảm còn 0,030 (năm 2015) xuống chỉ còn 0,027 (năm 2016); còn chỉ số tỷ suất ROS: từ 0,027 (năm 2014) giảm dần chỉ còn 0,021 vào năm 2016. Điều đó cho ta thấy với các nguồn lực kinh tế bỏ ra không được hiệu quả, không đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: các chỉ số sinh lời ở mức cao hơn 2 công ty còn lại nhưng vẫn có sự giảm dần qua các năm: tỷ suất ROA: năm 2014 từ 1,101 giảm còn 0,098 (năm 2015) xuống còn 0,088 (năm 2016); còn chỉ số tỷ suất ROS lại có sự tăng nhẹ: từ 0,053 (năm 2014) đã tăng lên thành 0,074 vào năm 2016. Qua đó cho biết công ty đã có các biện pháp để sử dụng các nguồn đầu hiệu quả để đạt được lợi nhuận cao hơn.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: các chỉ số sinh lời của công ty đã có dấu hiệu tăng nhẹ: tỷ suất ROA: năm 2014 từ 0,019 đã tăng lên thành 0,023 (năm 2015) nhưng lại giảm xuống về 0,019 (năm 2016); còn chỉ số tỷ suất ROS lại có sự tăng nhẹ: từ 0,019 (năm 2014) đã tăng lên thành 0,021 vào năm 2016. Qua đó cho biết công ty đã đưa ra cách sử dụng nguồn lực kinh tế đầu vào để giúp lợi nhuận cao hơn.

▼ *Phân tích các chỉ số sinh lời bằng Mô hình phân tích Dupont:*

Sử dụng phương pháp đánh giá năng lực tài chính bằng Mô hình phân tích Dupont thông qua việc đánh giá tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE) của 3 công ty tham gia đấu thầu. Tỷ suất ROE là chỉ tiêu đo lường mức lợi nhuận sau thuế thu được trên mỗi đồng vốn của chủ sở hữu trong kỳ. Đây là

chỉ tiêu mà các nhà đầu tư rất quan tâm. Có thể nói, bên cạnh các hệ số tài chính khác thì ROE là thước đo chính xác nhất để đánh giá một đồng vốn bỏ ra và tích lũy tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Đây đồng thời còn là một chỉ số đáng tin cậy về khả năng một công ty có thể sinh lời trong tương lai. Thông thường ROE càng cao càng chứng tỏ khả năng sử dụng nguồn vốn của mình càng hiệu quả, hay đơn giản hơn là công ty đã cân đối một cách hài hòa giữa vốn chủ sở hữu và vốn đi vay để khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của mình trong quá trình hoạt động. Khi đánh giá ROE trong mối quan hệ của các nhân tố: tỷ suất sinh lời của doanh thu (ROS), vòng quay tài sản và đòn bẩy tài chính được tính toán cụ thể như sau:

$$\begin{aligned}
 ROE &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\frac{\text{Tổng tài sản bình quân}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}} \times \frac{\text{Tổng tài sản bình quân}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \\
 ROE &= \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)}}{\text{doanh thu (ROS)}} \times \frac{\text{Vòng quay tài sản}}{\text{tài sản}} \times \frac{\text{Hệ số tài sản trên vốn CSH}}{\text{trên vốn CSH}}
 \end{aligned}$$

Qua công thức trên ta thấy: Chỉ tiêu Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) chịu sự tác động bởi 3 yếu tố: Tỷ suất sinh lời của Doanh thu (ROS) Số vòng quay của tài sản và Hệ số tài sản trên vốn chủ sở hữu (hay đòn bẩy tài chính). Cả ba nhân tố trên đều tác động đến suất sinh lời của vốn chủ sở hữu theo chiều thuận. Nghĩa là khi các nhân tố này tăng sẽ làm suất sinh lời của vốn chủ sở hữu tăng và ngược lại.

Bảng 3.9: Bảng phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến ROE các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6		
		2015	2016	+/-	2015	2016	+/-	2015	2016	+/-
1	Tỷ suất sinh lời DT (ROS)	0,020	0,021	0,001	0,076	0,074	(0,002)	0,021	0,021	0
2	Vòng quay tài sản	1,478	1,295	(0,183)	1,284	1,189	(0,095)	1,075	0,901	(0,174)
3	Đòn bẩy tài chính	3,112	3,493	0,381	1,804	1,739	(0,065)	6,689	6,501	(0,188)
4	Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE) (4) = (1)*(2)*(3)	0,092	0,095	0,003	0,176	0,153	(0,023)	0,151	0,123	(0,028)
5	Δ ROE (ROS)	-	0,004	-	-	(0,004)	-	-	-	-
6	Δ ROE (Vòng quay TS)	-	(0,012)	-	-	(0,013)	-	-	(0,024)	-
7	Δ ROE (Đòn bẩy TC)	-	0,011	-	-	(0,006)	-	-	(0,004)	-
8	Δ ROE (8=5+6+7)	-	0,003	-	-	(0,023)	-	-	(0,028)	-

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu ROE của các công ty tham gia đấu thầu năm 2016 so với năm 2015 như sau:

+ Đối với Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: Chỉ số ROE năm 2016 tăng so với năm 2015 là 0,003 do việc: Doanh thu tạo ra lợi nhuận nhiều hơn làm tăng tỷ suất sinh lời của doanh thu ROS lên 0,004; sử dụng đòn bẩy tài chính tăng lên 0,011 làm khuếch đại ROE theo chiều dương; tuy nhiên việc sử dụng tài sản không hiệu quả làm cho vòng quay tài sản giảm đi 0,012.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: Chỉ số ROE năm 2016 giảm so với năm 2015 là 0,023 do việc: Doanh thu tạo ra lợi nhuận ít đi làm tỷ suất sinh lời của doanh thu ROS giảm 0,004; đòn bẩy tài chính giảm đi 0,006 làm khuếch đại ROE theo chiều âm; việc sử dụng tài sản không hiệu quả làm cho vòng quay tài sản giảm đi 0,013.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: Chỉ số ROE năm 2016 giảm so với năm 2015 là 0,028 do việc: Đòn bẩy tài chính giảm đi 0,004 làm khuếch đại ROE theo chiều âm; việc sử dụng tài sản không hiệu quả làm cho vòng quay tài sản giảm đi 0,024.

3.4.5. Phân tích năng lực dòng tiền

Phân tích dòng tiền có ý nghĩa khá quan trọng trong việc đánh giá năng lực tài chính của các công ty trong việc xét hồ sơ dự thầu. Dựa vào Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của 3 công ty, cán bộ phân tích lập Bảng phân tích năng lực dòng tiền của các công ty như sau:

Bảng 3.10: Bảng phân tích năng lực dòng tiền của các công ty tham gia đấu thầu

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung			Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6		
		2014	2015	2016	2014	2015	2016	2014	2015	2016
1	Lợi nhuận trước thuế	10.790	8.063	8.962	18.499	20.802	20.812	8.987	13.077	10.413
2	Chi phí lãi vay	5.257	10.342	2.468	2.011	1.240	4.744	3.459	2.623	7.365
3	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT): (3)=(1)-(2)	5.533	-2.279	6.494	16.488	19.562	16.068	5.528	10.454	3.048
4	Chi phí khấu hao	4.747	6.050	3.165	14.963	17.804	11.053	113	12.094	14.627
5	Thuế thu nhập	2.373	1.773	1.796	4.069	4.576	4.162	2.008	2.929	2.186
6	Dòng tiền từ hoạt động KD: (6)=(3)+(4)-(1)	7.907	1.998	7.863	27.382	32.790	22.959	3.633	19.619	15.489
7	Doanh thu thuần	308.621	310.588	341.784	271.342	213.733	223.818	365.335	472.791	398.965
8	Tỷ số: Dòng tiền hoạt động KD/DT thuần: (8)=(6)/(7)	2,56%	0,64%	2,30%	10,09%	15,34%	10,26%	0,99%	4,15%	3,88%
9	Tỷ số: Dòng tiền hoạt động KD/LN thuần: (9)=(6)/(1)	73%	25%	88%	148%	158%	110%	40%	150%	149%

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

Phân tích năng lực dòng tiền là một trong những thước đo quan trọng khi phân tích tài chính của một doanh nghiệp, qua đó có thể thấy được năng lực tài chính của một doanh nghiệp là mạnh hay yếu. Dựa vào bảng phân tích năng lực dòng tiền của các công ty tham gia đấu thầu dự án thì cán bộ phân tích đưa ra kết luận:

+ Đối với Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát: Doanh thu thuần của công ty cao và tăng dần qua các năm (từ 308.621 triệu đồng năm 2014 tăng lên 310.588 triệu đồng năm 2015 và tiếp tục tăng lên thành 341.784 triệu đồng năm 2016) nhưng dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh và tỷ số Dòng tiền hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần lại thấp và giảm qua các năm (từ 2,56% năm 2014 giảm chỉ còn 0,64% năm 2015, đến năm 2016 tuy đã tăng lên thành 2,3% nhưng mức tăng vẫn thấp, chưa có sự ổn định). Điều đó cho thấy năng lực dòng tiền của công ty thấp, việc sử dụng tiền chưa thực sự hiệu quả.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung: Doanh thu thuần của công ty ở mức thấp hơn 2 công ty còn lại (năm 2014 mức doanh thu thuần là 271.342 triệu đồng giảm xuống còn 213.733 triệu đồng vào năm 2015 và tăng lên thành 223.818 triệu đồng năm 2016). Do việc sử dụng tiền hiệu quả nên các chỉ số dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh và tỷ số Dòng tiền hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần lại cao hơn 2 công ty kia: năm 2014 tăng từ 10,09% lên thành 15,34% năm 2015, tuy năm 2016 đã giảm còn 10,26% nhưng vẫn ở mức cao. Qua các chỉ tiêu phân tích về năng lực dòng tiền có thể thấy dòng tiền của công ty mạnh và ổn định.

+ Đối với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6: Doanh thu thuần của công ty ở mức cao nhất so với 2 công ty còn lại (năm 2014 mức doanh thu thuần là 365.335 triệu đồng, năm tăng lên thành 472.791 triệu đồng và giảm còn thành 398.965 triệu đồng năm 2016). Tuy doanh thu cao nhưng

việc sử dụng tiền không hiệu quả cao nên các chỉ tiêu dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh và tỷ số Dòng tiền hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần lại ở mức thấp: từ mức 0,99% vào năm 2014 đã tăng lên mức 4,15% năm 2015 nhưng lại giảm còn 3,88% vào năm 2016. Qua đó ta thấy, không phải doanh thu cao thì năng lực dòng tiền của công ty sẽ cao, sẽ đảm bảo năng lực tài chính của công ty là mạnh nhất.

Nhận xét, đánh giá về năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng:

Dựa vào phân phân tích ở trên, cán bộ phân tích lập bảng tổng hợp phân tích một số chỉ tiêu của các công ty tham gia đấu thầu dự án và so sánh với chỉ tiêu của trung bình ngành xây dựng của năm 2016 như sau:

Bảng 3.11: Bảng tổng hợp đánh giá năng lực tài chính 3 đơn vị

<i>TT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Công ty Thành Phát</i>	<i>Công ty Quang Trung</i>	<i>Công ty Cầu đường 18.6</i>	<i>Trung bình ngành</i>
1	Tài sản CD/Tổng tài sản	15,5%	17,3%	13,46%	18%
2	Tỷ số tự tài trợ	25,43%	55,37%	15,66%	35%
3	Hệ số thanh toán tức thời	106,5%	273%	123,1%	143%
4	Hệ số thanh toán nhanh	80,6%	168,4%	85,3%	97%
5	Vòng quay tổng tài sản	129,5%	128,4%	90,1%	64%
6	Tỷ suất sinh lợi của TS (ROA)	2,7%	8,8%	1,9%	4%
7	Tỷ suất sinh lợi của vốn chủ sở hữu (ROE)	9,5%	15,3%	12,3%	12%
8	Tỷ suất sinh lợi của DT (ROS)	2,1%	7,4%	2,1%	6%
9	Tỷ số: Dòng tiền hoạt động KD/Doanh thu thuần	2,3%	10,26%	3,88%	8%

(Nguồn: Tài liệu phân tích năng lực tài chính của BQL dự án)

KẾT LUẬN: Qua các báo cáo tài chính được nhà thầu cung cấp trong hồ sơ dự thầu và việc phân tích các chỉ tiêu đánh giá năng lực tài chính ở trên, theo cán bộ phân tích thì Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung là đơn vị có năng lực tài chính cao hơn hai công ty còn lại, sẽ đáp ứng nhu cầu về tài chính của gói thầu tốt hơn.

Tuy nhiên, theo phụ lục Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp số 5 dự án Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến hữu Đà hữu Hồng, Ba Vì do Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng lập thì Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát lại là đơn vị đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm của gói thầu. Trong khi đó, công ty TNHH Xây dựng Thành Phát lại có vốn lưu động ròng giảm qua các năm, năng lực dòng tiền thấp hơn 2 công ty còn lại. Vì vậy, cán bộ phân tích sẽ tiếp tục đánh giá về thực trạng khi phân tích năng lực tài chính của các đơn vị tham gia đấu thầu do Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng thực hiện, để từ đó tìm ra ưu nhược điểm và đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường chất lượng đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban.

3.5. Thực trạng đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

3.5.1. Những kết quả đạt được

▼ Về công tác tổ chức đánh giá năng lực tài chính

Tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng, công tác đánh giá năng lực tài chính của các nhà thầu dự thầu đều được thực hiện bởi Tổ chấm thầu bao gồm các cán bộ thuộc phòng Kế hoạch – Tổng hợp và phòng Dự án. Quy trình được thực hiện đánh giá gồm 3 bước cơ bản: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thực hiện và giai đoạn kết thúc quá trình đánh giá

▼ Về nguồn thông tin để thực hiện phân tích:

Thông tin để tiến hành phân tích đánh giá năng lực tài chính đã được các cán bộ chăm thầu sử dụng từ nguồn thông tin cơ bản của các báo cáo tài chính các đơn vị tham gia dự thầu trong 3 năm gần đây, các hợp đồng đã thực hiện và những báo cáo đều đó được cung cấp trong các bộ hồ sơ dự thầu.

▼ *Về phương pháp sử dụng để phân tích*

Phương pháp được sử dụng trong đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng chủ yếu là phương pháp so sánh. Đây là phương pháp truyền thống do vậy việc tính toán các chỉ tiêu này rất quen thuộc nên đảm bảo độ chính xác cao, nhanh chóng và kịp thời.

▼ *Về nội dung, chỉ tiêu phân tích*

Về cơ bản, nội dung và các chỉ tiêu đánh giá năng lực tài chính của các nhà thầu đã được các cán bộ sử dụng để phục vụ mục đích chăm thầu tại Ban, đáp ứng được yêu cầu được quy định trong hồ sơ mời thầu như chỉ tiêu tài sản ròng, doanh thu bình quân 3 năm gần đây...

3.5.2. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được của việc đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị dự thầu đảm bảo đúng quy định thì việc đánh giá tài chính các nhà thầu vẫn còn có nhiều hạn chế:

- Về nhân sự tham gia chăm thầu: Tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng, việc đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án được thực hiện bởi các cán bộ thuộc phòng Dự án và phòng Kế hoạch – Tổng hợp (không có cán bộ thuộc phòng Tài chính kế toán) nên không tránh khỏi sai sót trong đánh giá. Do các cán bộ phân tích này thường chỉ có chuyên môn về kỹ thuật, chưa có nhiều kiến thức về lĩnh vực tài chính nên việc đánh giá năng lực tài chính của các nhà thầu có nhiều hạn chế, chưa đánh giá chính xác được nhiều chỉ tiêu quan trọng.

- Về quy trình phân tích đánh giá: Trong giai đoạn chuẩn bị hồ sơ mời thầu (giai đoạn chuẩn bị phân tích), việc đưa ra các chỉ tiêu để đánh giá năng lực tài chính được quy định trong hồ sơ mời thầu mang tính hình thức, bỏ sót nhiều chỉ tiêu, chưa thực sự đánh giá được năng lực tài chính các đơn vị dự thầu. Dẫn đến khi tiến hành phân tích các chỉ tiêu đó sẽ không thể đánh giá chính xác được nhà thầu có năng lực tài chính mạnh.

▼ *Về nguồn thông tin để thực hiện phân tích:*

Nguồn thông tin được cán bộ chấm thầu của Ban thu thập chủ yếu là lấy từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh, còn các thông tin được thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính và nhiều thông tin liên quan đến ngành vẫn bị bỏ qua nhiều.

▼ *Về phương pháp sử dụng để phân tích*

Hiện nay Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng đánh giá năng lực tài chính chỉ dựa trên phương pháp so sánh đơn giản. Trong khi đó phương pháp đồ thị là một phương pháp tiến hành không mấy phức tạp mà hiệu quả của nó đem lại rất cao, có thể đưa ra một sự đánh giá dễ hiểu, dễ cảm nhận bằng trực quan thì Ban QLDA lại chưa sử dụng. Đặc biệt phương pháp phân tích theo mô hình Dupont giúp nhìn khái quát được toàn bộ các vấn đề cơ bản của doanh nghiệp thì lại chưa được Ban QLDA vận dụng vào trong việc đánh giá năng lực tài chính các đơn vị dự thầu.

▼ *Về nội dung, chỉ tiêu phân tích*

Khi đánh giá năng lực tài chính các doanh nghiệp xây lắp tham gia đấu thầu dự án, Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng mới chỉ sử dụng các chỉ tiêu đơn giản như tài sản ròng năm gần nhất phải dương, doanh thu bình quân 3 năm gần đây phải lớn hơn 80 tỷ đồng... Các chỉ tiêu đó chưa đủ để đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị, vì thực tế hiện nay, tại thời điểm đấu thầu có những nhà thầu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên (được quy định trong hồ sơ

mời thầu) nhưng do năng lực tài chính không đủ mạnh nên trong quá trình thi công thì không đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình yêu cầu, dẫn đến tình trạng dự án thi công bị chậm so với kế hoạch và chất lượng công trình không đảm bảo. Do đó cần phải đưa ra các nội dung, chỉ tiêu giúp đánh giá năng lực tài chính đầy đủ và chính xác hơn.

3.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Đội ngũ thực hiện công tác đánh giá năng lực tài chính các đơn vị dự thầu thiếu kiến thức về chuyên ngành về tài chính nên việc phân tích chưa được chuyên sâu. Việc phân tích được thực hiện trong thời gian ngắn, công cụ phương tiện phân tích vẫn còn thiếu thốn. Các cán bộ phân tích chủ yếu thực hiện công việc một cách thủ công, tính toán đơn giản, chưa có điều kiện ứng dụng các kỹ thuật phân tích phức tạp. Vì vậy, chất lượng phân tích chưa cao.

- Các chỉ tiêu để Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng đưa ra để đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị đều dựa vào Thông tư quy định của Bộ xây dựng về hồ sơ mời thầu xây lắp nên các chỉ tiêu thường chú trọng về kỹ thuật, không có nhiều quy định về tài chính. Dẫn đến việc phân tích đánh giá về tài chính không đạt hiệu quả cao.

- Khi tiến hành phân tích các chỉ tiêu đánh giá năng lực tài chính thì phụ thuộc lớn vào độ chính xác của các BCTC. Mức độ đáng tin cậy của các số liệu trên BCTC không cao, có những nhà thầu cung cấp BCTC chưa được kiểm toán nên số liệu kế toán còn bị sai lệch giữa các kỳ với nhau, làm cho việc phân tích gặp nhiều khó khăn.

- Sự phát triển của công nghệ thông tin có vai trò hết sức quan trọng trong việc đánh giá năng lực tài chính. Tuy nhiên trên thực tế hiện nay, việc áp dụng công nghệ thông tin, các phần mềm vào việc phân tích đánh giá lại chưa được thực hiện, làm cho việc phân tích chưa được chính xác.

- Hiện nay chưa có quy định cụ thể của Bộ Tài chính về việc đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị tham gia đấu thầu dẫn đến việc thực hiện còn lúng túng.

CHƯƠNG 4

CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA ĐẦU THẦU DỰ ÁN TẠI BAN QLDA ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

4.1. Những yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

4.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính

Hàng năm, các nước trên thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, Chính phủ đều phải đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật cho đất nước. Đó là sự đánh giá của một đất nước về phát triển kinh tế trong hiện tại và tương lai. Việc xây dựng công trình là một trong những khâu quan trọng của một dự án, để xây dựng được một công trình đáp ứng tốt các đòi hỏi về kỹ thuật, chất lượng, thời gian thực hiện, tiết kiệm chi phí và hạn chế tới mức thấp nhất những tranh chấp có thể xảy ra thì đấu thầu xây dựng là một hình thức cạnh tranh trong xây dựng, nhằm lựa chọn nhà thầu đáp ứng các yêu cầu kinh tế kỹ thuật đặt ra cho việc xây dựng công trình của chủ đầu tư. Do vậy, việc đánh giá năng lực tài chính của các nhà thầu là một đòi hỏi cấp thiết để lựa chọn được các nhà thầu đủ năng lực thi công các công trình. Quá trình đánh giá năng lực tài chính các nhà thầu tham gia đấu thầu dự án cần phải đảm bảo các yếu tố cơ bản sau:

- Các chỉ tiêu đánh giá năng lực tài chính được trình bày tổng hợp và phản ánh tổng quát, toàn diện về tình hình tài sản, công nợ, nguồn vốn cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động, cũng như có thể dự báo về tình hình tài chính trong tương lai.

- Nội dung, phương pháp đánh giá và cách trình bày các chỉ tiêu phải có sự thống nhất, liên hệ, bổ sung cho nhau nhằm phản ánh đúng thực trạng tài chính của doanh nghiệp đảm bảo dễ tính toán và có thể so sánh được.

- Việc lựa chọn tổ chức đánh giá năng lực tài chính phải phù hợp với mục đích đánh giá và phù hợp với các điều kiện về con người, phương tiện vật chất của doanh nghiệp.

- Việc hoàn thiện nội dung phân tích năng lực tài chính phải đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin để đưa ra các quyết định về lựa chọn đơn vị trúng thầu.

4.1.2. Nguyên tắc hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính

Việc hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính các nhà thầu trong đấu thầu dự án là tất yếu khách quan. Tuy nhiên, để đảm bảo quá trình đánh giá năng lực tài chính có thể được tiến hành mang lại hiệu quả cao, về mặt phương pháp luận quá trình đánh giá phân tích năng lực tài chính cần tuân thủ các nguyên tắc và phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Bên cạnh đó, quá trình hoàn thiện phân tích đánh giá năng lực tài chính cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

+ Nguyên tắc phù hợp: Quá trình đánh giá và hoàn thiện các giải pháp nâng cao việc đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu cần có sự phù hợp trên nhiều góc độ khác nhau:

- Phù hợp gắn liền với mục tiêu đánh giá về năng lực tài chính đảm bảo cho từng gói thầu của từng dự án. Các nội dung, hệ thống chỉ tiêu phân tích phù hợp với từng nội dung cụ thể.

- Phù hợp với yêu cầu của từng gói thầu góp phần tăng cường việc lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực để đáp ứng gói thầu, đặc biệt gói thầu có giá trị lớn phải thi công xây dựng trong nhiều năm.

- Phù hợp với đặc trưng của các doanh nghiệp xây dựng: Việc xây dựng các phương pháp và giải pháp hoàn thiện cần quan tâm đến đặc thù của từng ngành nghề sản xuất kinh doanh của từng ngành.

+ Nguyên tắc khả thi: Các giải pháp đưa ra phải mang tính khả thi cao để các bộ phận, đối tượng có liên quan đến quá trình đánh giá đều có thể triển khai, thực hiện trong thời gian và điều kiện cho phép của mình.

4.2. Giải pháp hoàn thiện đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

Để nâng cao chất lượng đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng, luận văn xin đề xuất một số giải pháp hoàn thiện cũng là tiêu chuẩn đánh giá năng lực tài chính các đơn vị dự thầu như sau:

4.2.1. Hoàn thiện công tác tổ chức phân tích

Hiệu quả của việc đánh giá năng lực tài chính phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức phân tích, tuy nhiên hiện nay Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng chưa quan tâm đúng mức, chỉ mang tính hình thức và tiến hành một cách máy móc. Do vậy, để nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án thì trước tiên công tác tổ chức đánh giá phân tích cần thực hiện một cách nghiêm túc theo đúng quy định, cần chú ý:

- Bố trí nhân sự thực hiện công tác đánh giá năng lực tài chính: Hiện nay việc đánh giá phân tích năng lực tài chính của các đơn vị tham gia đấu thầu chủ yếu là do phòng Dự án và phòng Kế hoạch tổng hợp thực hiện, không có cán bộ của phòng kế toán nên việc đánh giá năng lực tài chính còn nhiều thiếu sót. Do vậy, tác giả đề xuất khi đánh giá tài chính các gói thầu đấu thầu thì cần bổ sung thêm cán bộ của phòng tài chính kế toán, những người có kiến thức sâu hơn về tài chính để việc đánh giá được chính xác và đầy đủ hơn.

- Xây dựng quy trình phân tích phù hợp: Việc đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng thường được lồng ghép trong quá trình đấu thầu của cả gói thầu nên việc phân tích chưa đạt kết quả cao. Do vậy để việc đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị dự thầu đem lại hiệu quả tốt hơn, lựa chọn được các đơn vị có năng lực mạnh hơn thì cần xây dựng quy trình đánh giá đầy đủ, khoa học và chi tiết hơn. Cụ thể như sau:

+ Giai đoạn chuẩn bị phân tích đánh giá: Giai đoạn này cần phải lập kế hoạch đầy đủ và chi tiết, xác định rõ mục tiêu cần phân tích, nội dung và hệ thống các chỉ tiêu, thời gian tiến hành và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân tham gia phân tích.

+ Giai đoạn tiến hành phân tích: Trong giai đoạn này, các cán bộ phân tích cần tiến hành thu thập thông tin cần thiết đã được thiết lập trong giai đoạn lập kế hoạch bao gồm các thông tin từ báo cáo tài chính kế toán và các thông tin phi tài chính khác. Để thực hiện việc đánh giá năng lực tài chính đầy đủ thì giai đoạn thực hiện phân tích cần tiến hành qua ba bước: một là xác định các thông tin cần phân tích phục vụ cho việc đánh giá; hai là thực hiện phân tích từng chỉ tiêu cụ thể; ba là tổng hợp kết quả và đưa ra nhận xét.

+ Giai đoạn hoàn thành phân tích: Sau khi tiến hành phân tích thì cần tổ chức viết báo cáo nội dung phân tích đầy đủ và chi tiết, đánh giá từng nhà thầu để đưa ra kết luận nhà thầu có năng lực tài chính mạnh nhất, đảm bảo cho việc thi công thực hiện gói thầu đó.

4.2.2. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu để phân tích đánh giá năng lực tài chính

Cơ sở dữ liệu sử dụng trong đánh giá năng lực tài chính rất quan trọng. Do vậy để hoàn thiện dữ liệu trong đánh giá tài chính cần được hoàn thiện về thông tin kế toán như sau: Hiện nay, việc đánh giá năng lực tài chính thường mới chỉ sử dụng thông tin trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả sản

xuất hoạt động kinh doanh, các thông tin trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ được sử dụng rất ít và hầu như không sử dụng thông tin trên thuyết minh báo cáo tài chính. Vì vậy để đánh giá chính xác, toàn diện về năng lực tài chính thì cần sử dụng các thông tin khác được cung cấp trên thuyết minh như thông tin các khoản phải thu khách hàng, lãi vay, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh... Bên cạnh đó, cần và thu thập thông tin liên quan đến ngành xây dựng để đánh giá, so sánh các nhà thầu xây lắp với nhau, với trung bình ngành.

Đồng thời, để đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin trong báo cáo tài chính thì cần yêu cầu các nhà thầu cung cấp các BCTC đã được kiểm toán trong các hồ sơ dự thầu.

4.2.3. Vận dụng phương pháp phân tích đa dạng

4.2.3.1. Vận dụng linh hoạt phương pháp so sánh

Hiện nay việc đánh giá năng lực tài chính thường chỉ sử dụng phương pháp so sánh, chủ yếu là so sánh theo chiều ngang giữa số liệu kỳ này với kỳ trước. Để phương pháp này đạt hiệu quả cao, các cán bộ phân tích phải sử dụng kết hợp các phương pháp so sánh một cách linh hoạt. Thông thường có thể sử dụng kết hợp các phương pháp so sánh sau:

- So sánh bằng số tuyệt đối: Số tuyệt đối phản ánh quy mô của hiện tượng, sự vật. Khi so sánh bằng số tuyệt đối, các nhà phân tích sẽ biết được quy mô biến động của chỉ tiêu phân tích.

- So sánh bằng số tương đối: Số tương đối phản ánh kết cấu, mối quan hệ, tốc độ phát triển và mức độ phổ biến của các chỉ tiêu nghiên cứu. Do vậy, so sánh bằng số tương đối, các nhà phân tích sẽ nắm được mức độ phổ biến, tốc độ tăng trưởng, xu hướng và nhịp điệu biến động của các chỉ tiêu.

- So sánh với các chỉ tiêu trung bình ngành: Khi tiến hành đánh giá phân tích thì các cán bộ phân tích cần so sánh các nhà thầu với các chỉ tiêu

trung bình ngành để thấy được đơn vị nào thực sự có năng lực tài chính, đáp ứng được nhu cầu tài chính của gói thầu.

4.2.3.2. Vận dụng phương pháp phân tích theo Mô hình Dupont

Tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng, việc đánh giá năng lực tài chính sử dụng phương pháp truyền thống và giản đơn, do đó cần đưa mô hình Dupont vào quá trình phân tích. Đây là phương pháp phân tích có nhiều ưu điểm và được sử dụng rộng rãi tại các nước phát triển. Phương pháp Dupont là phương pháp phân tích dựa vào mối quan hệ tương hỗ giữa các chỉ tiêu tài chính để biến đổi một chỉ tiêu tổng hợp thành một hàm số của một loạt các biến số. Một trong những chỉ tiêu quan trọng thường áp dụng mô hình Dupont là hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Do vốn chủ sở hữu là một phần của tổng nguồn vốn hình thành nên tài sản, nên ROE sẽ phụ thuộc vào hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản. Mối quan hệ này được thể hiện bằng mô hình Dupont như sau:

$$\begin{aligned}
 ROE &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times \frac{\text{Tổng tài sản bình quân}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \\
 ROE &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times \frac{\text{Tổng tài sản bình quân}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \\
 ROE &= \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)}}{\text{doanh thu (ROS)}} \times \frac{\text{Vòng quay tài sản}}{\text{tài sản}} \times \frac{\text{Đòn bẩy tài chính}}{\text{tài chính}}
 \end{aligned}$$

Như vậy, với việc tách chỉ tiêu ROE thành tích số của chuỗi các hệ số có mối liên hệ mật thiết với nhau ta sẽ thấy mối liên hệ giữa tỷ suất sinh lợi của vốn chủ sở hữu với tỷ suất sinh lợi của doanh thu, vòng quay tài sản và

đòn bẩy tài chính. Đặc biệt với đặc thù các doanh nghiệp xây dựng hiện nay, tại các đơn vị xây lắp tham gia đấu thầu, nguồn vốn của các doanh nghiệp chủ yếu là đi vay, do đó việc phân tích đánh giá chỉ tiêu ROE theo mô hình Dupont trong mối quan hệ với đòn bẩy tài chính sẽ có ý nghĩa to lớn trong việc đánh giá doanh nghiệp nào có năng lực tài chính mạnh hơn, mức giá bỏ thầu thấp hơn so với các đối thủ cạnh tranh.

4.2.4. Xây dựng nội dung và chỉ tiêu phân tích

Ngoài các chỉ tiêu phân tích được Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng yêu cầu được quy định trong hồ sơ mời thầu, cần phân tích đánh giá thêm các chỉ tiêu như: vốn lưu động ròng, năng lực dòng tiền, tỷ suất sinh lợi...

4.2.4.1. Về chỉ tiêu vốn lưu động ròng và cân bằng tài chính trong dài hạn

Để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là đảm bảo tài chính trong việc thực hiện gói thầu thì việc đánh giá vốn lưu động ròng của các đơn vị dự thầu trong việc đánh giá năng lực tài chính là việc hết sức quan trọng. Vốn lưu động ròng là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá cân bằng tài chính của doanh nghiệp. Công thức tính vốn lưu động ròng:

$$\text{Vốn lưu động ròng} = \text{Nguồn vốn dài hạn} - \text{Tài sản dài hạn}$$

Khi đánh giá chỉ tiêu vốn lưu động ròng các đơn vị tham gia đấu thầu thì chỉ tiêu vốn lưu động ròng yêu cầu phải dương và tăng dần qua các năm vì khi đó cho thấy mức độ an toàn và bền vững tài chính của doanh nghiệp.

4.2.4.2. Về chỉ tiêu năng lực dòng tiền

Thông tin về dòng tiền trong doanh nghiệp được thể hiện qua phân tích năng lực dòng tiền. Hoàn thiện nội dung phân tích năng lực dòng tiền giúp cho các phân tích đánh giá được năng lực tài chính thực sự của các đơn vị dự thầu, đảm bảo đơn vị trúng thầu sẽ đáp ứng được việc thi công công trình. Khi phân tích năng lực dòng tiền thì ta sẽ phân tích các chỉ số sau:

▼ *Tỷ số:* $\frac{\text{Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh}}$

Doanh thu thuần

Tỷ số này là tỷ lệ phần trăm của dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của một công ty so với doanh số bán hàng thuần. Chỉ số cho chúng ta biết ta nhận được bao nhiêu đồng trên một đồng doanh số bán hàng.

Không có một tỷ lệ phần trăm chính xác nào để tham chiếu, nhưng rõ ràng, tỉ lệ này càng cao càng tốt. Cũng cần lưu ý rằng tỷ số này trong các công ty sẽ khác với tỷ số trung bình của ngành. Nhà đầu tư nên theo dõi diễn biến lịch sử của chỉ số này để phát hiện ra những sai khác đáng kể so với dòng tiền trung bình của công ty/doanh thu cũng như so sánh chỉ số này của công ty với các công ty trong ngành. Ngoài ra, cần theo dõi xem khi doanh thu tăng thì dòng tiền tăng như thế nào; và điều quan trọng là chúng thay đổi với tốc độ ngang nhau theo thời gian hay không.

▼ *Tỷ số:* $\frac{\text{Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh}}$

Lợi nhuận thuần

Tỷ số này là tỷ lệ phần trăm của dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của một công ty so với lợi nhuận thuần. Nó cho chúng ta biết ta nhận được bao nhiêu đồng trên một đồng lợi nhuận thuần

▼ *Tỷ số:* $\frac{\text{Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh}}$

Tổng tài sản bình quân

Tỷ số này là tỷ lệ phần trăm của dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của một công ty so với tổng tài sản bình quân. Chỉ số cho ta biết một đồng tài sản ra thì sẽ thu được bao nhiêu đồng tiền từ hoạt động kinh doanh.

4.2.4.3. Về chỉ tiêu đánh giá tính thanh khoản của tài sản

Đặc thù các doanh nghiệp xây dựng là vấn đề thanh toán công nợ, các công trình sau khi bàn giao xong thì nhiều doanh nghiệp gặp phải tình trạng

chưa thu được tiền, không quyết toán được công trình, dẫn đến nợ đọng kéo dài, không có vốn gây khó khăn trong việc thi công các công trình tiếp khi trúng thầu. Do đó, khi đánh giá năng lực tài chính của các nhà thầu, cần có sự tính toán, phân tích các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, kỳ thu tiền bình quân để cung cấp đầy đủ thông tin cho phục vụ cho việc chấm thầu.

▼ *Hệ số vòng quay các khoản phải thu*

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ biến đổi các khoản phải thu thành tiền mặt. Hệ số này là một thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này được tính toán như sau:

$$\frac{\text{Số vòng quay các khoản phải thu}}{\text{Số ngày}} = \frac{\text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

Hệ số vòng quay các khoản phải thu càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi nợ của doanh nghiệp càng nhanh, khả năng chuyển đổi các khoản nợ phải thu sang tiền mặt cao, điều này giúp cho doanh nghiệp nâng cao luồng tiền mặt, tạo ra sự chủ động trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất. Ngược lại, nếu hệ số này càng thấp thì số tiền của doanh nghiệp bị chiếm dụng ngày càng nhiều, lượng tiền mặt sẽ ngày càng giảm, làm giảm sự chủ động của doanh nghiệp trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất và có thể doanh nghiệp sẽ phải đi vay ngân hàng để tài trợ thêm cho nguồn vốn lưu động này.

▼ *Hệ số số ngày phải thu*

Cũng tương tự như vòng quay các khoản phải thu, có điều hệ số này cho chúng ta biết về số ngày trung bình mà doanh nghiệp thu được tiền của khách hàng:

$$\text{Số ngày phải thu} = \frac{\text{Số ngày trong năm}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

Số ngày phải thu nhỏ chứng tỏ doanh nghiệp thu hồi tiền hàng kịp thời, ít bị chiếm dụng vốn và ngược lại.

4.3. Điều kiện để nâng cao chất lượng đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

▼ Đối với cơ quan Nhà nước

- Nhà nước cần phải quy định rõ về nội dung đánh giá năng lực tài chính của các nhà thầu tham gia đấu thầu dự án tại các Ban quản lý dự án, cần quy định rõ các báo cáo cần phải được công bố, những chỉ tiêu mang tính bắt buộc phải có và ban hành các chế tài xử lý vi phạm đối với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện.

- Cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu chung của ngành, của nền kinh tế để trên cơ sở đó làm căn cứ, chuẩn mực đánh giá chính xác thực trạng tài chính của doanh nghiệp trong tương quan so sánh với doanh nghiệp cùng ngành, với đà phát triển kinh tế nói chung là rất cần thiết. Đây là một việc lớn đòi hỏi phải có sự phối hợp của nhiều bộ ngành, các cơ quan hữu quan và sự thống nhất từ trung ương tới địa phương. Chính phủ và các bộ ngành, tùy thuộc chức năng nhiệm vụ và quyền hạn mà có sự quan tâm, đầu tư thích đáng về vật chất, con người... vào việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu chung này.

▼ Đối với Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng

- Khi cử cán bộ tham gia chấm thầu thì cần có cán bộ có chuyên ngành về tài chính để việc đánh giá các chỉ tiêu được chính xác hơn. Đồng thời, các cán bộ tham gia đánh giá năng lực tài chính không ngừng tìm tòi, học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn về tài chính, cập nhật thông tin thường xuyên.

- Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn, các chỉ tiêu đánh giá năng lực tài chính cần quy định rõ ràng trong các hồ sơ mời thầu.

KẾT LUẬN

Nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá năng lực tài chính của các đơn vị tham gia đấu thầu dự án luôn là mục tiêu quan trọng trong việc chọn ra các nhà thầu có đủ năng lực tài chính và kinh nghiệm trong việc thi công xây dựng các công trình dự án. Để góp phần nâng cao chất lượng chấm thầu thì việc nâng cao chất lượng đánh giá phân tích năng lực tài chính các đơn vị dự thầu là việc cấp thiết. Xuất phát từ yêu cầu trên, luận văn đã nghiên cứu và đạt được những thành công chủ yếu sau:

- Hệ thống hóa và làm sáng tỏ cơ sở lý luận về đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp .
- Làm rõ nội dung và hệ thống chỉ tiêu phân tích năng lực tài chính phục vụ cho chấm thầu dự án.
- Chỉ ra thực trạng khi Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu gói thầu xây lắp số 5 dự án Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà hữu Hồng, Ba Vì, Hà Nội tại Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng.
- Đề xuất giải pháp để tăng cường hiệu quả hoạt động đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng – Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Công (2009), *Giáo trình Phân tích Kinh doanh*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
2. Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng (2016), *Tài liệu đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án*, Hà Nội.
3. PGS.TS Nguyễn Năng Phúc (2011), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
4. PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang (2011), *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

Tiếng Anh

5. Charles H.Gibson (năm 2012), *Financial Reportting & Analysis – Using financial Accounting information*, 13th Edition, The University of Toledo South, Emerius – Western Cengage Learning.

PHỤ LỤC 01**Báo cáo đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án
tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng theo quy định tại hồ sơ mời thầu**

TT	Yêu cầu	Nhận xét		
		Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quang Trung	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6
1	Nộp báo cáo tài chính từ năm 2014 đến năm 2016 để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.	Nhà thầu có nộp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán chứng thực năm 2014, 2015, 2016 trong đó: Giá trị tài sản ròng năm 2016: 296-221=75 tỷ > 0	Nhà thầu có nộp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán chứng thực năm 2014, 2015, 2016 trong đó: Giá trị tài sản ròng năm 2016: 196-87=109 tỷ > 0	Nhà thầu có nộp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán chứng thực năm 2014, 2015, 2016 trong đó: Giá trị tài sản ròng năm 2016: 426-359=66 tỷ > 0
2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng tối thiểu là 80 tỷ đồng/1 năm, trong vòng 03 năm trở lại đây (2014; 2015; 2016).	Doanh thu bình quân trong 3 năm 2014, 2015, 2016 là: 320 tỷ đồng > 80 tỷ đồng. Doanh thu lớn hơn theo yêu cầu của HSMT và đáp ứng được yêu cầu của HSMT.	Doanh thu bình quân trong 3 năm 2014, 2015, 2016 là: 263 tỷ đồng > 80 tỷ đồng. Doanh thu lớn hơn theo yêu cầu của HSMT và đáp ứng được yêu cầu của HSMT.	Doanh thu bình quân trong 3 năm 2014, 2015, 2016 là: 412 tỷ đồng > 80 tỷ đồng. Doanh thu lớn hơn theo yêu cầu của HSMT và đáp ứng được yêu cầu của HSMT.

3	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 11 tỷ đồng.	Nhà thầu có bảng kê khai nguồn lực tài chính theo mẫu số 11 kèm theo bản cam kết tài trợ vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hà Nội ngày 04/5/2017 với số tiền 11.000.000.000 đồng (mười một tỷ đồng chẵn)	Nhà thầu có Hợp đồng cấp tín dụng Công ty với tổng giá trị là: 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn) đáp ứng theo yêu cầu của HSMT cụ thể: Cam kết tài trợ vốn của Ngân hàng TMCP Quân Đội ngày 19/10/2016 với thời hạn đến ngày 31/10/2017 với số tiền 140.000.000.000 đồng.	Nhà thầu có bảng kê khai nguồn lực tài chính theo mẫu số 11 kèm theo bản cam kết tín dụng cho gói thầu với tổng giá trị là: 11.000.000.000 đồng (mười một tỷ đồng chẵn) đáp ứng theo yêu cầu của HSMT
4	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự trong vòng 5 năm trở lại đây (tính từ năm 2012 đến thời điểm đóng thầu) mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (đã hoàn thành ít nhất 80% hợp đồng) với tư	Nhà thầu kê khai 02 hợp đồng tương tự theo mẫu trong đó: - Hợp đồng số 1605/2012/HĐXD-HN05 ngày 16/5/2012 Gói thầu XD05: Thi công đường BTXM vào nhà máy thủy điện và đường vận hành trong	Nhà thầu kê khai 02 hợp đồng tương tự theo mẫu trong đó: - Thỏa thuận Đội thi công giữa Công ty CP ĐTXD Quang Trung và Công ty TNHH kỹ thuật & xây dựng Namkwang-Hàn Quốc, Văn Phòng ĐHDA Gói thầu EX-10 thuộc dự án	Nhà thầu kê khai 02 hợp đồng tương tự theo mẫu trong đó: - Hợp đồng số 08/HĐGTXL/LICOGI18-AN BÌNH và PLHĐ số 08.1/PLHDGTXL/LICOGI18-AN BÌNH ngày 25/10/2012 Gói thầu: Thi công ½ hạng mục đập

<p>cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ là:</p> <p>02 (hai) hợp đồng xây dựng công trình đê điều hoặc thủy lợi cấp III trở lên, có hạng mục đường bê tông xi măng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu bằng hoặc lớn hơn 37 tỷ; Trường hợp chỉ có 01 hợp đồng, thì giá trị của hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 74 tỷ đồng.</p>	<p>nhà máy dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na trên thượng nguồn thủy điện sông Chu . Giá trị hợp đồng 179 tỷ đồng > 37 tỷ đồng, công trình thủy lợi cấp II.</p> <p>- Hợp đồng số 02/2011/HĐ-HĐTCXL ngày 16/3/2011 và Phụ lục hợp đồng số 02/2013/PLHĐ-HĐTCXL ngày 23/6/2013 Thi công xây dựng dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Minh Khánh, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, giá trị hợp đồng sau điều chỉnh mà nhà thầu đảm nhận là 133 tỷ đồng > 37 tỷ, công trình thủy lợi cấp III. Công trình có hạng mục đường bê tông xi măng.</p>	<p>đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; không có ngày tháng. Giá trị hợp đồng 13,310 tỷ đồng < 37 tỷ đồng,</p> <p>- Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 44/HĐ/EC-HT ngày 05/6/2015. Hạng mục đường tạm, nền đường, Cầu Bà Lào, cầu cạn 1 thuộc dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức-Long Thành. Giá hợp đồng sau điều chỉnh: 295.481 tỷ đồng</p> <p>+ <i>Không có biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình</i></p> <p>* Đánh giá chung:</p> <p>- <i>Cả 02 hợp đồng thi công xây dựng của Nhà thầu không phải công trình đê điều, thủy lợi;</i></p> <p>- <i>Không có biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình.</i></p>	<p>trần Công trình Thủy điện Nậm Múc, thuộc dự án Thủy điện Nậm Múc tỉnh Điện Biên. Giá trị hợp đồng 74,971 tỷ đồng > 74 tỷ đồng, <i>nhưng không có hạng mục đường bê tông xi măng</i>, công trình thủy lợi cấp II</p> <p>- Hợp đồng số 46/2012/HĐ-XD ngày 12 tháng 5 năm 2010 thi công xây dựng công trình Cầu Chanh (Km26+480–Km27+177)</p> <p>Gói thầu số 1: Thi công xây lắp cầu Chanh (Km26+480 – Km47+888) đoạn Vĩnh Bảo (Hải Phòng) – Gia Lộc (Hải Dương). Giá trị hợp đồng 189 tỷ đồng</p> <p>* Đánh giá chung:</p> <p>- <i>01 hợp đồng thi công xây dựng của Nhà thầu không phải công trình đê điều, thủy lợi; 01 hợp</i></p>
---	--	---	--

		<p><u>* Đánh giá chung:</u></p> <p><i>Đáp ứng đủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu</i></p>		<p><i>đồng còn lại là công trình thủy lợi cấp II nhưng không có hạng mục đường bê tông xi măng</i></p> <p><i>- Không có biên bản nghiệm thu công trình;</i></p>
--	--	---	--	---

KẾT LUẬN: Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát đạt yêu cầu về đánh giá năng lực tài chính và kinh nghiệm theo quy định trong hồ sơ mời thầu và được đánh giá tiếp ở các bước đánh giá về kỹ thuật và tài chính. Còn 2 nhà thầu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quang Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường số 18.6 không đủ điều kiện để đánh giá ở bước tiếp theo.

PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH
CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA ĐẤU THẦU DỰ ÁN
TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Kính thưa Quý vị!

Hiện nay tôi đang thu thập thông tin để phục vụ cho việc nghiên cứu về thực trạng đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án tại Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng. Vì vậy, tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ của Quý vị. Xin Quý vị vui lòng trả lời các câu hỏi sau bằng cách đánh dấu chéo (x) vào lựa chọn phù hợp nhất đối với Quý vị.

Câu trả lời của Quý vị là hết sức quan trọng để tôi có thể thu thập được dữ liệu cho nghiên cứu này. Tôi xin cam đoan phiếu khảo sát này chỉ được sử dụng cho đề tài nghiên cứu, không sử dụng cho bất cứ mục đích nào khác.

Xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Quý vị!

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

Họ tên người trả lời khảo sát:.....

Số điện thoại:.....

Phòng/bộ phận:.....

Chức vụ:.....

PHẦN 2: NỘI DUNG KHẢO SÁT

1. Theo anh/chị, việc đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu dự án có quan trọng không?

Rất quan trọng

Quan trọng

Không quan trọng

2. Anh/chị cho biết việc tổ chức đánh giá năng lực tài chính được thực hiện theo quy trình như thế nào?

S T T	Nội dung	Có	Không
1	Lập kế hoạch và hồ sơ mời thầu		
2	Mời thầu và mở thầu		
3	Đánh giá xếp hạng nhà thầu		
4	Trình duyệt kết quả đấu thầu		
5	Ý kiến khác: Nếu chọn “Có” thì anh/chị cho biết ý kiến đó là gì?.....		

3. Anh/chị cho biết đã sử dụng những nguồn thông tin nào sau đây trong phân tích đánh giá năng lực tài chính các nhà thầu?

ST T	Nội dung	Có	Không
1	Bảng cân đối kế toán		
2	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh		
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		

4	Thuyết minh báo cáo tài chính		
5	Thông tin khác Nếu chọn “Có” thì anh/chị cho biết đó là thông tin gì?.....		

4. Anh/chị cho biết nguồn dữ liệu mà đơn vị sử dụng để phân tích đánh giá năng lực tài chính các nhà thầu được lấy trong khoảng thời gian nào?

2 năm gần đây

4 năm gần đây

3 năm gần đây

5 năm gần đây

5. Anh/chị cho biết đã sử dụng những phương pháp nào sau đây trong việc đánh giá năng lực tài chính đơn vị dự thầu?

<i>S</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>
1	Phương pháp so sánh		
2	Phương pháp tỷ lệ		
3	Phương pháp đồ thị		
4	Phương pháp Dupont		
5	Phương pháp khác Nếu chọn “Có” thì anh/chị cho biết đó là phương pháp nào?.....		

6. Khi đánh giá năng lực tài chính các đơn vị tham gia đấu thầu, anh/chị sử dụng những chỉ tiêu nào dưới đây?

<i>S</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>
1	Tài sản ròng		
2	Vốn lưu động ròng		
3	Tỷ trọng tài sản/tổng tài sản		
4	Tỷ suất nợ		
5	Tỷ suất tự tài trợ		
6	Hệ số vòng quay các khoản phải thu		
7	Hệ số vòng quay hàng tồn kho		
8	Số vòng quay tài sản		
9	Tỷ suất sinh lời của doanh thu (ROS)		
10	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)		
11	Tỷ suất sinh lời củ vốn chủ sở hữu (ROE)		
12	Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
13	Hệ số nợ trên tài sản		
14	Hệ số thu hồi nợ		
15	Chỉ tiêu khác		

	Nếu chọn “Có” thì anh/chị cho biết đó là chỉ tiêu nào?.....		
--	--	--	--

7. Theo anh/chị thì cán bộ đánh giá năng lực tài chính các đơn vị dự thầu cần thiết phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về phân tích tài chính hay không?

Có

Không

8. Để nâng cao chất lượng đánh giá năng lực tài chính của các nhà thầu, anh/chị có đề xuất giải pháp gì?

.....

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN SỰ GIÚP ĐỠ CỦA ANH/CHỊ!

